

## Tác Giả và Tác Phẩm

### Nguyễn Du (I)

#### Tiểu sử

Nguyễn Du sinh giờ Dần ngày 23-11 năm Ất Dậu (năm 1765 âm lịch), hiệu Cảnh Hưng thứ 26, triều vua Hiến Tôn, nhà Lê (tức ngày 3-1-1766 dương lịch).

Nơi sinh, ở biệt thự Trung cần công Nguyễn Nghiễm, tại phường Bích Câu, Thăng Long.

#### Tác phẩm

Truyện Kiều - Bắc hành tạp lục.



## Mục Lục

Tìm thấy bản Kiều cổ nhất – Vũ Toàn - 2

Nguyễn Du thân thế và sự nghiệp - 3

Nguyễn Du sinh năm nào? – 4

Đôi nét về Truyện Kiều – 8

Giữ đất trời giao hưởng...Hồ Trường An – 10

Từ ghi chép về *Vương Thúy Kiều* trong Minh sử... - Nguyễn Cẩm Xuyên – 15

Triết lý đoạn trường - Nguyễn Sỹ Tê – 19

Bàn về bút hiệu của Nguyễn Du – Phan Trọng Chánh - 24

Nguyễn Du và Hồ Xuân Hương - Nguyễn Hưng Quốc - 27

### Phụ đính giai thoại và thơ Nguyễn Du:

Câu thơ bỏ lửng...- Điệp tử thư trung - Mộng đắc thái tiên

Hành lạc tử - Điệp khuyến - Gửi bạn - Trúc lâm thất hiền – Đồi từu

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter

## Tìm thấy bản Kiều cổ nhất Vũ Toàn



### Bìa Truyện Kiều chữ Nôm

#### **Bản Kiều cổ nhất - 1852 :**

Gần 100 pho sách cổ về gia phả dòng họ Nguyễn Tiên Điền ở huyện Nghi Xuân (Hà Tĩnh) vừa được phát hiện trong gia đình một công chức ở TP Vinh (Nghệ An). Điều thú vị nhất trong 100 pho sách này là lần đầu tiên độc giả của Truyện Kiều và giới Kiều học được nhìn thấy dòng chữ viết tay của học giả Lê Thước về giờ, ngày, năm sinh, nơi sinh của đại thi hào Nguyễn Du và một bản Kiều cổ nhất. Không khỏi ngạc nhiên về giá trị văn học, lịch sử, địa lý... đang tiềm ẩn trong gần 100 pho sách rất cổ. Đặc biệt, nhiều cuốn sách chữ Hán Nôm được những tên tuổi dòng họ nổi tiếng này viết tay. Đặc biệt hơn, cuối một số cuốn còn nguyên lưu bút những suy ngẫm về thời thế, văn chương của họ.

#### **Bộ sưu tập sách cổ**

Khởi thảo cuốn bản thảo gia phả dòng họ Nguyễn Tiên Điền do cụ Nguyễn Nghiễm viết. Sau đó cụ nghè tiến sĩ Nguyễn Mai tục biên (chép lại) thành bản gốc. Đây là cuốn gia phả gốc, rất chi tiết về dòng họ Nguyễn Tiên Điền lần đầu tiên được phát hiện. Tiếp theo là cuốn gia phả lược trích tên, chức vụ phân đại tôn của dòng họ, tóm tắt những nét cơ bản và những biến đổi trong xã hội gây tác động lớn lao tới dòng họ từ đời thứ nhất đến đời thứ mười. Cuốn này do con trai và con rể cụ Nguyễn Trọng (cháu cụ Nguyễn Mai) là Nguyễn Hiệu và Lê Văn Diễn viết vào đời Minh Mạng thứ 9 năm 1828. Cũng tại cuốn gia phả gốc, học giả Lê Thước (1891-1976) đã viết thêm vào phần cuối về cuộc đời, sự nghiệp của Nguyễn Du. Có thể đọc thấy những dòng chữ: *“Cụ Nguyễn Du sinh giờ Dần ngày 23-11 năm Ất Dậu (năm 1765 âm lịch - NV), hiệu Cảnh Hưng thứ 26, triều vua Hiến Tôn, nhà Lê (tức ngày 3-1-1766 dương lịch). Nơi sinh, ở biệt thự Trung căn công Nguyễn Nghiễm, tại phường Bích Câu, thành Thăng Long”.*

Kế bên là Truyện Kiều chép tay (do mất bìa và một số trang nên chưa rõ năm ra đời) và cuốn Kim Vân Kiều lục, gồm 64 hồi (biến thể Truyện Kiều dùng cho hát trò Kiều) được chép tay năm 1852. Đây là bản Kiều được xem là cổ nhất hiện nay sau bản Kim Vân Kiều tân truyện của nhà

tàng bản (khắc in) Liễu Văn Đường, in năm Tự Đức thứ 19 (1866) được phát hiện năm 2004 trong một gia đình ở huyện Thanh Chương (Nghệ An). Phần sau cuốn Kim Vân Kiều lục là toàn bộ Hịch Văn Thân Nghệ Tĩnh cũng được viết tay bằng những nét chữ khá đẹp.

### **Bản Kiều chưa rõ năm ra đời**

Ngoài ra, còn có rất nhiều cuốn sách quý khác, ví như cuốn Hát trò Kiều (ở làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân); Ngọc Hoa cổ tích truyện của vua Khải Định; tập thơ Nam Sơn Thám hoa của Nguyễn Đức Đạt viết tặng; một số bài thơ, câu đối đặc sắc của Nguyễn Hành; Huấn tự quốc ngữ ca (sách dạy con); bộ sách thuốc, châm cứu - 50 cuốn; bộ sách địa lý, thiên văn - 10 cuốn và cuốn Địa lý gia truyền bí quyết (gồm bản thảo, bản gốc) do cụ Nguyễn Quỳnh (ông nội Nguyễn Du) viết tay. Cuối cuốn sách này, cụ Nguyễn Quỳnh viết: *“Nếu đọc được sách hay và viết được sách hay có ý nghĩa như thế này thì cuộc đời tôi sẽ không làm gì hơn là chỉ đọc sách và viết sách. Vì những việc làm từ câu chữ trong sách sẽ giúp ích lớn cho đời”*.

Ông Nguyễn Hải Nam, giám đốc Trung tâm Văn hóa - thông tin - thể thao huyện Nghi Xuân, người phát hiện, sưu tầm 100 pho sách cổ này, cho biết: “Chủ nhân số sách quý là một cán bộ công chức ở TP Vinh, thuộc dòng họ Nguyễn Tiên Điền. Khi tôi đến tìm, ông cho biết sách được cất giữ trong các thùng các tông, gác cẩn thận trên xà nhà. Ông bảo: *“Trước khi mất, cha tôi dặn tất cả sách này đều rất quý nhưng quý nhất là hai cuốn Truyện Kiều, cuốn gia phả và bộ sách thuốc nên được cất riêng trong một tráp gỗ sơn son”*.

### **Nguyễn Du thân thế và sự nghiệp**

Nguyễn Du - Tố Như, hiệu là Thanh Hiên, biệt hiệu là Hồng Sơn Lạp Hộ, sinh ngày 3 tháng 1 năm 1766 (tức là ngày 23 tháng 11 năm Ất Dậu), (vì Nguyễn Du sinh cuối năm ta Ất Dậu, đầu năm tây 1766 nên hầu hết tài liệu đều viết như ông sinh năm 1765) dưới triều Lê Cảnh Hưng; người xã Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, tỉnh Nghệ Tĩnh.

Cha là nhị giáp Tiến sĩ, Xuân Quận Công Nguyễn Nghiễm, từng làm tới Tể Tướng triều Lê mạt; mẹ (Trần Thị Tần) là người vợ thứ ba, người Kinh Bắc; anh là Toản Quận Công Nguyễn Khản cũng làm tới Tham Tụng, Thái Bảo trong triều.

Khi Nguyễn Du lên mười thì cha chết, 13 tuổi mẹ chết. Vào năm 1778, ông phải về ở với Nguyễn Khản, con bà vợ chính thất của bố. Được vài năm, Nguyễn Du trở về Tiên Điền ở với người chú họ Tiến sĩ Nguyễn Hành.

Cũng trong năm 1778, Nguyễn Ánh nổi dậy ở miền Nam xưng là Đại nguyên soái cố gắng thu phục lại giang sơn của ông cha.

Năm 1783, Nguyễn Du (18 tuổi) thi hương đậu Tam Trường. Vì lẽ gì không rõ, ông không tiếp tục thi lên nữa. Vào đời làm việc được cỡ 5 năm, vào năm 1789, sau khi Nguyễn Huệ kéo binh ra Bắc, đại thắng quân Thanh thì Nguyễn Du về quê vợ ở Thái Bình ngụ tại nhà người anh vợ là Đoàn Nguyễn Tuấn. Trong thời gian này, một nhà văn thơ đàn anh của Nguyễn Du tên là Nguyễn Hữu Chỉnh phản Tây Sơn, bị tướng Tây Sơn là Vũ Văn Nhậm cho xé xác phơi khô ở bốn cửa thành. Biến cố này đã lưu lại trong Nguyễn Du những dao động mạnh và có ảnh hưởng rất lớn đến tâm trạng của Nguyễn Du.

Tập thơ chữ Hán Thanh Hiên Thi Tập gồm 78 bài làm trong giai đoạn 1786-1804, phần Mười năm gió bụi - 1786-1795, làm trong thời gian ông sống ở Thái Bình, gồm 27 bài thơ (theo một

số tài liệu) là tập thơ chữ Hán đầu tiên của Nguyễn Du. Sau đó là 6 năm ông trở lại nhà sống dưới chân núi Hồng Lĩnh, và hai năm làm Tri huyện ở Bắc Hà.

Năm 1796: Nguyễn Du dự định vào Gia Định cộng tác với Chúa Nguyễn, âm mưu bị bại lộ, bị nhà Tây Sơn bắt giam ba tháng. "Có thể" Nguyễn Du đã thai nghén Truyện Kiều vào thời gian này. Năm nay Nguyễn Du đúng 30 tuổi. "Trái qua một cuộc biển dâu". (Một biển dâu = 30 năm).

Năm 1797: Nguyễn Du ẩn dật tại Tiên Điền.

Trải qua mười năm gió bụi ở Quỳnh Hải, 5 năm nghèo túng ở Hồng Lĩnh, không hợp tác với Tây Sơn, giữ vai Hồng Sơn liệt hộ (thợ săn) hay Nam Hải điều đê (kẻ chài), đạ m bạ rau dưa, Nguyễn Du như vẫn còn chờ thời.

Năm 1801: Nguyễn Ánh hạ thành Huế, qua năm sau 1802 lật đổ Tây Sơn Nguyễn Quang Toản, hạ thành Thăng Long thống nhất sơn hà, lên ngôi Hoàng đế niên hiệu Gia Long, xuống chiếu mời các cựu thần nhà Lê trở lại làm quan. Nguyễn Du bắt đầu làm quan từ năm đó (1802).

Năm 1805: Vua Gia Long vời Nguyễn Du vào Phú Xuân thăng chức Đông Các điện học sĩ, ban tước Du Đức Hầu, "có thể" cùng năm này Nguyễn Du đã hoàn thành tác phẩm Truyện Kiều.

Năm 1813: Nguyễn Du được thăng Cần chánh đại học sĩ, đồng thời được cử làm Chánh sứ sang Tàu. Sau khi về nước, năm 1815, ông được thăng Lễ Bộ Hữu Tham Tri.

Đường công danh của Nguyễn Du với nhà Nguyễn chẳng có mấy trở ngại. Ông thăng chức nhanh và giữ chức trọng, song chẳng mấy khi vui, thường u uất bất đắc chí. Theo Đại Nam Liệt Truyện: "Nguyễn Du là người ngạo nghễ, tự phụ, song bề ngoài tỏ vẻ giữ gìn, cung kính, mỗi lần vào chầu vua thì ra dáng sợ sệt như không biết nói năng gì..."

Nguyễn Du ra làm quan mà vẫn chán nản buồn rầu, chức lớn, nhưng Nguyễn Du vẫn không có hào hứng trong nhiệm vụ, ba lần xin về hưu, sáng tác nhiều bài thơ đầy chán nản, than thở. Phải chăng những biến cố lịch sử trong thời gian này đã làm cho Nguyễn Du trở nên yếm thế?

Năm 1820: Vua Gia Long băng hà, Vua Minh Mạng lên ngôi, Nguyễn Du được cử sang Trung Quốc lần thứ hai, nhưng chưa kịp đi thì bị bệnh mất vào ngày 16 tháng 9 năm 1820, hưởng thọ 54 tuổi.

Đại Nam Liệt Truyện viết: "Đến khi ốm nặng, ông không chịu uống thuốc, bảo người nhà sờ tay chân. Họ thưa đã lạnh cả rồi. Ông nói "được" rồi mất; không trở lại điều gì."

## Nguyễn Du sinh năm nào?

Xưa nay có nhiều thư tịch, văn bản đưa nhiều giả thuyết về năm sinh của đại thi hào Nguyễn Du nhưng tựu trung ở hai năm 1765 và 1766. Vậy thực tế Nguyễn Du sinh năm nào? Theo Giáo sư Nguyễn Lộc "Từ điển Văn học" (tập II, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, 1984, trang 54, 55): "*Nguyễn Du (03.I.1766? - 16.IX.1820). Nhà đại thi hào Việt Nam. Tên chữ là Tố Như, hiệu Thanh Hiên. Sinh năm Ất Dậu, niên hiệu Cảnh Hưng. Có tài liệu ghi ngày sinh của Nguyễn Du là 23 tháng Mười một, tính ra Dương lịch là 03.I.1766. Quê Nguyễn Du ở làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, trấn Nghệ An, nay thuộc tỉnh Nghệ Tĩnh, nhưng lại sinh ở Thăng Long, và thời niên thiếu chủ yếu cũng ở Thăng Long...*".

Trong tác phẩm "Truyện Kiều và Chủ nghĩa hiện thực", GS Lê Đình Kỵ lại viết: "*Nguyễn Du sinh ngày 3 tháng giêng năm 1766 tại làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, trong một gia đình đại quý tộc và có truyền thống khoa cử lâu đời. Họ Nguyễn Tiên Điền là họ danh vọng nhất thời Lê Mạt, cho nên đương thời có lời truyền tụng:*

*Bao giờ Ngàn Hóng hết cây  
Sông Rum hết nước họ này hết quan*

*... Mẹ Nguyễn Du là Trần Thị Tần (1740 - 1778) vợ trác thất của Nguyễn Nghiễm, sinh được 4 trai, 1 gái. Mồ cô cha từ năm 9 tuổi và mồ cô mẹ từ năm 12 tuổi... Nguyễn Du có 3 vợ và 18 con. Sau khi Nguyễn Du chết, gia đình ly tán".*

Rõ ràng năm 1766 là giả thuyết được nhiều nhà nghiên cứu chấp nhận. Nhưng năm 1765 lại được nhiều người công nhận hơn. Ví như Nguyễn Q. Thắng, Nguyễn Bá Thế trong "Từ điển Nhân vật lịch sử" (NXB Văn hoá Thông tin, 1999, trang 508) viết: "*Nguyễn Du (Ấ.dậu 1765 – C.thìn 1820) Thi hào, tự Tố Như, hiệu Thanh Hiên và có nhiều biệt hiệu như Hồng Sơn liệt hộ (về năm sinh, năm Ấ.dậu là 1765, nhưng có sách ghi ngày 23 tháng 11 âm lịch: 3-1-1766 mới đúng). Con Xuân Quận Công Nguyễn Nghiễm và Trần Thị Tần, quê I.Tiên Điền, h.Nghi Xuân trấn Nghệ An (nay là Hà Tĩnh), nhưng sinh ở Thăng Long" (chúng tôi chép nguyên văn như sách đã viết - T.D).*

### Vài nét về thân thế và sự nghiệp

Nguyễn Du hiệu là Tố Như, Thanh Hiên, con Nguyễn Nghiễm (1708 - 1775) làm tới chức Tế tửu, quê làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân (Nghệ Tĩnh) văn chương vượt hẳn bạn bè, nhưng học vị chỉ là Tam trường (Tú tài). Nguyễn Du gặp nhiều khó khăn hồi còn thanh niên vì sớm mồ côi cha và mẹ nên ăn nhờ ở đậu: hoặc ở nhà anh ruột (Nguyễn Khản), nhà anh vợ (Đoàn Nguyễn Tuấn), có lúc làm con nuôi một võ quan họ Hà, và nhận chức nhỏ: Chánh thủ Hiệu úy. Do tình hình đất nước biến động, chính quyền Lê Trịnh sụp đổ, Tây Sơn quét sạch giặc Thanh, họ Nguyễn Tiên Điền cũng sa sút tiêu điều: "*Hồng Linh vô gia, huynh đệ tán".* Nguyễn Du trải qua 10 năm gió bụi. Năm 1802, ra làm quan với triều Nguyễn được thăng thưởng rất nhanh, từ tri huyện lên đến tham tri (1815), được cử làm chánh sứ sang Tàu (1813). Ông mất vì bệnh thời khí (dịch tả), không trở trăn gì, đúng vào lúc sắp sửa làm chánh sứ sang nhà Thanh lần thứ hai. Nhà lưu niệm Nguyễn Du được xây dựng ở làng quê ông xã Tiên Điền. Trường Viết văn để đào tạo những cây bút mới được mang tên ông.

### Hoàn cảnh ra đời Truyện Kiều

GS Nguyễn Lộc (sđd, trang 455) viết: "*Đoạn trường tân thanh... là một truyện thơ Nôm viết bằng thể lục bát, dựa theo tác phẩm Kim Vân Kiều truyện của Thanh Tâm tài Nhân Trung Quốc gồm 3.254 câu thơ. Có thuyết nói Nguyễn Du viết Truyện Kiều sau khi đi sứ Trung Quốc (1814-20). Có thuyết nói Nguyễn Du viết trước khi đi sứ, có thể vào thời gian làm Cai bạ ở Quảng Bình (1804-09). Thuyết sau này được nhiều người chấp nhận. Ngay sau khi ra đời, truyện được nhiều nơi khắc in và lưu hành rộng rãi.*

*Bản in cũ nhất hiện còn là dưới thời Tự Đức (1871)".*

### Tác phẩm và đóng góp của Truyện Kiều trong đời sống văn hoá

Tác phẩm chính của Nguyễn Du: "Đoạn trường tân thanh" (Truyện Kiều); "Văn tế thập loại chúng sinh" (Văn chiêu hồn) và hai bài tòn nghi là "Sinh tế Trường Lưu nhị nữ" (Văn tế sống hai cô gái Trường Lưu) và "Thác lời trai phường nón". Ngoài ra Nguyễn Du còn có ba tập thơ chữ Hán có giá trị: "Thanh Hiên tiên hậu tập"; "Nam trung tạp ngâm"; "Bắc hành tạp lục". Cả ba tập này, nay mới gom được 249 bài nhờ công sức sưu tầm của nhiều người. Một số bài như "Phản

chiêu hồn", "Thái Bình mại giả ca", "Long thành cầm giả ca" đã thể hiện rõ rệt lòng ưu ái trước vận mệnh con người. Những bài viết về Thăng Long, về quê hương và cảnh vật ở những nơi Nguyễn Du đã đi qua đều toát lên nỗi ngậm ngùi đau bể. Nguyễn Du cũng có gắn bó với cuộc sống nông thôn, khi với phường săn thì tự xưng là "Hồng Sơn liệt hộ", khi với phường chài thì tự xưng là "Nam Hải điều đồ". Ông có những bài dân ca như "Thác lời con trai phường nón", bài văn tế như "Văn tế sống hai cô gái Trường Lưu", chứng tỏ ông đã tham gia sinh hoạt văn nghệ dân gian với các phường vải, phường thủ công ở Nghệ Tĩnh.

Truyện Kiều đóng một vai trò quan trọng trong sinh hoạt văn hoá Việt Nam. Nhiều nhân vật trong Truyện Kiều trở thành điển hình cho những mẫu người trong xã hội cũ, mang những tính cách tiêu biểu như Sở Khanh, Hoạn Thư, Từ Hải, và đều đi vào thành ngữ Việt Nam. Khả năng khái quát của nhiều cảnh tình, ngôn ngữ, trong tác phẩm khiến cho quần chúng tìm đến Truyện Kiều, như tìm một điều dự báo. Bói Kiều rất phổ biến trong quần chúng ngày xưa. Ca nhạc dân gian có dạng Lầy Kiều. Sân khấu dân gian có trò Kiều. Hội họa có nhiều tranh Kiều. Thơ vịnh Kiều nhiều không kể xiết. Giai thoại xung quanh Kiều cũng rất phong phú. Tuồng Kiều, cải lương Kiều, phim Kiều cũng ra đời. Nhiều câu, nhiều ngữ trong Truyện Kiều đã lẫn vào kho tàng ca dao, tục ngữ. Từ xưa đến nay, Truyện Kiều đã là đầu đề cho nhiều công trình nghiên cứu, bình luận và những cuộc bút chiến. Ngay khi Truyện Kiều được công bố (đầu thế kỷ XIX) ở nhiều trường học của các nho sĩ, nhiều văn đàn, thi xã đã có trao đổi về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm. Đầu thế kỷ XX, cuộc tranh luận về Truyện Kiều càng sôi nổi, quan trọng nhất là cuộc phê phán của các nhà chí sĩ Ngô Đức Kế, Huỳnh Thúc Kháng phản đối phong trào cổ xúy Truyện Kiều do Phạm Quỳnh đề xướng (1924).

### Những trang văn nhận định về Nguyễn Du và Truyện Kiều

Trong Lời đầu sách "Từ điển Truyện Kiều" (1974), GS Đào Duy Anh viết: *"Trong lịch sử ngôn ngữ và lịch sử văn học Việt Nam, nếu Nguyễn Trãi với Quốc âm thi tập là người đặt nền móng cho ngôn ngữ văn học dân tộc thì Nguyễn Du với Truyện Kiều lại là người đặt nền móng cho ngôn ngữ văn học hiện đại của nước ta. Với Truyện Kiều của Nguyễn Du, có thể nói rằng ngôn ngữ Việt Nam đã trải qua một cuộc thay đổi về chất và đã tỏ rõ khả năng biểu hiện đầy đủ và sâu sắc... Nguyễn Du sinh quán ở Thăng Long, tổ quán ở Nghệ Tĩnh, mẫu quán ở Bắc Ninh, đã nhờ những điều kiện ấy mà dựng lên được một ngôn ngữ có thể nói là gồm được đặc sắc của cả ba khu vực quan trọng nhất của văn hoá nước ta thời trước"*.

GS - Nhà giáo Nhân dân Lê Đình Ky, người được xem là "chuyên gia Truyện Kiều" đã có những trang văn nhận định thú vị: *"Truyện Kiều nổi lên so với những giá trị văn học đương thời, và khiến sáng tác của Nguyễn Du gần với chúng ta ngày nay, về cả nội dung và hình thức nghệ thuật. Nhưng dù sao thì Nguyễn Du vẫn là người của thời đại mình, không thể thoát ly hoàn cảnh xã hội, lịch sử cụ thể, về cả hệ tư tưởng lẫn phương pháp nghệ thuật, thể hiện ở xu hướng lý - tưởng hoá, ước lệ. Điều này khó tránh trong tình hình sáng tác chung, trong trình độ tư duy nghệ thuật chung đương thời... Trước sau Truyện Kiều vẫn là di sản vĩ đại, là tuyệt đỉnh của nền văn học dân tộc quá khứ. Quan điểm lịch sử cũng như đòi hỏi muôn đời của giá trị văn học đều cho phép ta khẳng định điều đó"*.

Mộng Liên Đường Chủ Nhân (1820) theo bản dịch của Bùi Kỳ và Trần Trọng Kim, bình luận: *"...Lời văn tả ra hình như máu chảy ở đầu ngọn bút, nước mắt thấm ở trên tờ giấy, khiến ai đọc đến cũng phải thấm thía ngậm ngùi, đau đớn đứt ruột... Tố Như Tử dụng tâm đã khổ, tự sự đã khéo, tả cảnh đã hết, đàm tình đã thiết, nếu không phải có con mắt trong thấu sáu cõi, tấm lòng nghĩ suốt cả nghìn đời, thì tài nào có cái bút lực ấy"*.

Nhà thơ Nguyễn Công Trứ đã kịch liệt phê phán Thúy Kiều:

*"...Bạc mệnh chẳng làm người tiết nghĩa  
Đoạn trường cho đáng kiếp tà dâm  
Bán mình trong bấy nhiêu năm  
Để đem chữ hiếu mà làm được ai  
Nghĩ đời mà ngán cho đời"*

Nhà thơ Nguyễn Khuyên (1905) đã Tống vịnh nàng Kiều rằng:  
*"...Không trách chàng Kim đeo đẳng mãi  
Khăng khăng vót lấy một phần đuôi"*

Nhà thơ Tản Đà - Nguyễn Khắc Hiếu (1916) tiếc thương:  
*"...Tiền Đường chưa chắc mả hồng nhan  
Trơ trơ nắm đất bờ sông nọ  
Hồn có xa nghe mấy tiếng đàn"*

Và Chế Lan Viên khẳng định: *"Nguyễn Du viết Kiều, đất nước hoá thành văn"*.  
GS Nguyễn Lộc nhận định: *"Có thể tìm thấy một sợi chỉ đỏ xuyên suốt toàn bộ tác phẩm của Nguyễn Du từ Thơ chữ Hán đến Truyện Kiều, Văn chiêu hồn. Nguyễn Du trở thành vĩ đại chính vì Nguyễn Du là một nhà thơ nhân đạo chủ nghĩa. Mặc dù xuất thân từ giai tầng quý tộc, nhưng Nguyễn Du lẫn lộn nhiều trong cuộc sống của quần chúng, đã lắng nghe được tâm hồn và nguyện vọng của quần chúng... Thơ Nguyễn Du dù viết bằng chữ Nôm hay chữ Hán đều đạt đến trình độ điêu luyện... Nguyễn Du vẫn chỉ là một nhà thơ đứng lại trước ngưỡng cửa của chủ nghĩa hiện thực"*.

Trong "Nguyễn Du toàn tập" (tập 1, NXB Văn học, 1996) GS Mai Quốc Liên viết: "Lời nói đầu" bằng sự khẳng định về con người và sự nghiệp Nguyễn Du rằng:

*"Bất tri tam bách dư niên hậu  
Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như?"*

*Tôi muốn cùng Nguyễn Du như đến với một con người suốt đời khắc khoải về con người, về lẽ đời, về cái gì là chủ yếu trong cuộc đời... Con người ấy như đang sống giữa chúng ta đây.  
"Khác thời đại, thương nhau, chỉ rớt nước mắt" (Dị đại tương liên không sái lệ), Nguyễn Du đã từng làm thế; ta há lại không thể đáp lại Nguyễn Du cũng bằng tình cảm ấy?*

*Người nào không đến được với Nguyễn Du, người ấy chắc sẽ thiệt thòi rất nhiều. Nhưng tôi muốn nói thêm rằng, bên cạnh Truyện Kiều, còn có một tòa lâu đài nữa mà bạn cần tìm hiểu để yêu Nguyễn Du hơn. Đừng vì đã có Truyện Kiều mà ra lòng "rẻ rúng" thơ chữ Hán, xem nó là phần "phụ lục". Chắc chắn Nguyễn Du chẳng bao giờ nghĩ như thế. Vào thời Nguyễn Du, Hán học cực thịnh, Nguyễn Du làm thơ chữ Hán, trút tâm huyết, tài năng vào đó là lẽ thường. Truyện Kiều là "diễn âm", "lỡ tay" mà thành kiệt tác, còn thơ chữ Hán mới đích là "sáng tác", nên xem nó là phát ngôn viên chính thức của Nguyễn Du.*

*... Thơ chữ Hán Nguyễn Du là những áng văn chương nghệ thuật trác tuyệt, ẩn chứa một tiềm năng vô tận về ý nghĩa. Nó mới lạ và độc đáo trong một nghìn năm thơ chữ Hán của ông cha ta đã đành, mà cũng độc đáo so với thơ chữ Hán của Trung Quốc nữa".*

## Đôi nét về Truyện Kiều



Truyện Kiều là tên gọi thông thường theo tên nhân vật chính trong tác phẩm của , còn lúc sáng tác, Nguyễn Du đặt tên cho tác phẩm của mình là Đoạn trường tân thanh nghĩa là "Tiếng nói mới về một nỗi đau đến đứt ruột".

Đoạn trường tân thanh được sáng tác không phải do nhà thơ đơn thuần tưởng tượng, hư cấu để viết ra, mà ông viết dựa theo cốt truyện một tiểu thuyết chương hồi bằng văn xuôi của Trung Quốc, có tên là Kim Vân Kiều truyện (truyện về Kim Trọng, Thúy Vân, Thúy Kiều) của một tác giả hiệu là Thanh Tâm Tài Nhân.

Trong thời đại của Nguyễn Du các nhà thơ sáng tác thường dựa theo một tác phẩm của Trung Quốc như thế. Nói chung Nguyễn Du dựa khá sát vào tác phẩm của Thanh Tâm Tài Nhân khi viết lại Truyện Kiều: cụ thể là những nhân vật trong Truyện Kiều của ông đều là những nhân vật lấy từ Kim Vân Kiều truyện; những tình tiết, biến cố, cốt truyện trong Truyện Kiều hầu hết đều có trong Kim Vân Kiều truyện. Nhưng cái đặc sắc của Nguyễn Du là tuy dựa vào tác phẩm của Thanh Tâm Tài Nhân nhưng lại hết sức sáng tạo. Điều đó quyết định ở chỗ Nguyễn Du không phải nhằm chuyển dịch tác phẩm của Thanh Tâm Tài Nhân sang tiếng Việt, mà ông tái tạo, bổ sung vào đó những điều mà ông từng day dứt, trăn trở, và với tài năng nghệ thuật tuyệt vời của mình, ông đã thể hiện lại bằng ngôn ngữ dân tộc và thể thơ dân tộc, cho nên tác phẩm của Nguyễn Du có sức sống mãnh liệt hơn và có chiều sâu trí tuệ mà nguyên tác của Thanh Tâm Tài Nhân không có được.

Truyện Kiều là truyện về cuộc đời của một người con gái bất hạnh có tên là Vương Thúy Kiều. Người con gái ấy có tài, có sắc, xuất thân trong một gia đình bình thường, lớn lên nàng yêu một chàng trai là Kim Trọng, nhưng rồi tai họa đã xảy đến cho gia đình: cha và em của nàng bị bắt, bị đánh đập, nhà cửa bị cướp phá sạch sành sanh. Thúy Kiều không có cách nào để cứu nguy cho gia đình, nàng buộc lòng phải bán mình cho người khác để lấy tiền chuộc cha và em; từ đó cuộc đời nàng trải qua không biết bao nhiêu là tai họa: nàng bị lừa lọc phải hai lần làm kỹ nữ ở nhà chứa, làm lẽ, đi ở... Có thể nói một câu chuyện thâm trầm về vận mệnh của một người con gái như thế, bản thân nó đã có sức xúc động lớn. Nhưng dưới ngòi bút của Nguyễn Du, câu chuyện thâm trầm ấy lại không thuần túy là vận mệnh của một người con gái, hay nói cách khác là thông qua vận mệnh của một người con gái nhà thơ đã nói lên vận mệnh của con người nói chung trong một xã hội bất công tàn bạo. Nhà nghiên cứu Hoài Thanh cho rằng vấn đề đặt ra trong Truyện Kiều của Nguyễn Du là vấn đề quyền sống của con người trong xã hội phong kiến. Nhà thơ Chế Lan Viên thì viết:

Chạnh thương cô Kiều như đời dân tộc,  
Sắc tài sao mà lại lắm truân chuyên...



Nói cho đúng, khi viết tác phẩm của mình Nguyễn Du không hoàn toàn ý thức hết những điều ông đã trình bày. Với một quan niệm truyền thống, ông cất nghĩa những bất hạnh của Thúy Kiều là do mâu thuẫn giữa Tài và Mệnh: Thúy Kiều nhiều tài, nên số phận của Thúy Kiều bi thảm; và ông chủ trương để giải quyết những mâu thuẫn ấy, con người phải thực hiện chữ Tâm, phải "tu tâm". Chính quan niệm như vậy nên nhà thơ đã viết ở phần mở đầu tác phẩm:

Trăm năm trong cõi người ta,  
Chữ Tài, chữ Mệnh khéo là ghét nhau

và ở phần kết thúc, ông viết:

Chữ Tâm kia mới bằng ba chữ Tài

Có điều quan niệm là như thế, nhưng khi tái hiện cuộc sống vào tác phẩm, Nguyễn Du đã hết sức trung thực, nên thực tế vấn đề đặt ra trong tác phẩm của ông có ý nghĩa sâu sắc hơn rất nhiều so với những gì mà ông đã phát biểu.

Cảm hứng chủ đạo của Nguyễn Du trong Truyện Kiều là cảm hứng về thân phận con người. Con người sẽ sống như thế nào giữa một xã hội bất công, tàn bạo. Khi xây dựng nhân vật Thúy Kiều, nhà thơ muốn thể hiện ở nhân vật này tất cả những gì là ưu tú, là tinh hoa của con người. Thúy Kiều không phải chỉ có tài sắc thông thường như các cô gái khác trong văn học cổ, mà Thúy Kiều là tuyệt đỉnh của tài sắc; và không phải chỉ có tài sắc, mà Thúy Kiều còn có ý thức sâu sắc về cuộc sống của mình và của xung quanh. Có thể nói Nguyễn Du muốn xây dựng nhân vật Thúy Kiều như một tượng trưng cho tất cả những gì là đẹp, là tinh hoa của con người. Một nhân vật như thế lẽ ra phải được sống một cuộc đời tốt đẹp, hạnh phúc, nhưng vì nàng sống trong một xã hội bất công, tàn bạo nên cuối cùng những phẩm chất cao quý nhất của nàng lại trở thành những tai họa đối với nàng. Do có tài có sắc, Thúy Kiều đã trở thành miếng mồi ngon cho cái xã hội đó xâu xé.

Nguyễn Du là một nhà thơ nhân đạo chủ nghĩa sâu sắc, ông hết lòng thương yêu và trân trọng con người mà phải thể hiện những cảnh con người bị vùi dập trong tác phẩm, nên ngòi bút của ông nhiều khi phẫn nộ và nhiều khi lại cay đắng, chua xót. Mộng Liên Đường chủ nhân nhận xét: Nguyễn Du viết Truyện Kiều như có máu rỏ lên đầu ngọn bút, nước mắt thấm qua tờ giấy.

Cố nhiên đã yêu thương con người thì phải chống lại những lực lượng chà đạp con người. Về phương diện này có thể nói Truyện Kiều là một bản cáo trạng lên án đanh thép tất cả những lực lượng chà đạp con người. Trong Truyện Kiều của Nguyễn Du, chà đạp Thúy Kiều không phải một vài con người cá biệt nào mà là cả một xã hội, từ kẻ đại diện cho cái xã hội ấy như bọn quan lớn, quan bé, gia đình quan lại, đến bọn thừa hành như đám nha lại, rồi những kẻ sống bằng nghề buôn bán nhan sắc của phụ nữ... Trong cái xã hội này, sau thế lực của bọn quý tộc là thế lực của đồng tiền. Đồng tiền thực sự đã trở thành một tai họa đối với con người. Đồng tiền chi phối việc xử kiện của bọn quan lại; đồng tiền đã biến những nho sĩ như Mã Giám Sinh, Sở Khanh thành những tên ma cô dốt gái; đã biến Thúc Sinh thành một kẻ ăn chơi trác táng... Đồng tiền có thể mua bán cả cái trinh tiết thiêng liêng của người phụ nữ... Sống trong một xã hội như vậy những kẻ xấu, bất lương thì tha hồ lộng hành, còn người tốt, lương thiện thì không có chỗ để tồn tại. Thúy Kiều bị dày vò đủ đường mà chỉ có một người duy nhất dám bênh vực nàng là Từ Hải, thì cái xã hội ấy lại coi Từ Hải là giặc, và cuối cùng bằng một sự phản bội xấu xa đã giết chết Từ Hải. Trong Truyện Kiều, Từ Hải bị giết và sau đó Thúy Kiều tự tử trên sông Tiền Đường là những kết thúc bi thảm nhưng không thể khác được. Việc Thúy Kiều được cứu sống, rồi được tái ngộ Kim Trọng với biết bao chua xót, bể bàng ở cuối truyện không hề làm giảm ý nghĩa tố cáo của tác phẩm, mà đúng như nhà thơ Xuân Diệu nhận xét, nó là "bản

cáo trạng cuối cùng" của tác phẩm này

Truyện Kiều không những có nội dung sâu sắc, mà nghệ thuật của nó cũng đạt đến một thành tựu rực rỡ. Nói đến thành công trong nghệ thuật Truyện Kiều trước hết người ta thường nói đến thành công của nhà thơ trong việc vận dụng tiếng Việt và thể thơ lục bát của dân tộc. Trong Truyện Kiều có sự kết hợp sức nhuần nhuyễn giữa ngôn ngữ bác học và ngôn ngữ bình dân. Truyện Kiều có không ít từ Hán Việt và điển cố lấy trong sách vở với lối diễn đạt đài các, quý phái, nhưng tất cả đều được sử dụng có liều lượng, đúng nơi, đúng lúc, nên đều hợp lý. Mặt khác trong Truyện Kiều lại có nhiều lời ăn tiếng nói hằng ngày, ca dao tục ngữ nhưng tất cả cũng được sử dụng có chọn lọc tinh vi, khéo léo, kết hợp hài hòa với ngôn ngữ bác học. Thể thơ lục bát trong Truyện Kiều được nhà thơ khai thác triệt để khả năng biểu hiện của nó, tinh tế, giản dị mà có âm vang, có thể diễn đạt được nhiều sắc thái của cuộc sống và những nét tinh vi, tế nhị trong tình cảm của con người

Một thành công nữa cũng hết sức quan trọng trong Truyện Kiều của Nguyễn Du là nghệ thuật dẫn truyện và nghệ thuật miêu tả, bao gồm miêu tả con người lẫn miêu tả thiên nhiên, cảnh vật. Nhà thơ thường miêu tả rất tiết kiệm. Chỉ cần một vài câu thơ ông đã có thể khắc họa rõ nét được ngoại hình của một nhân vật hay dựng lên được một bức tranh phong cảnh. Nhưng tuyệt diệu nhất của nghệ thuật miêu tả trong Truyện Kiều là miêu tả nội tâm nhân vật. Có thể nói trong văn học cổ không có một nhà thơ thứ hai nào thành công trong việc miêu tả nội tâm của nhân vật như Nguyễn Du, nhất là nội tâm của nhân vật Thúy Kiều

Có thể nói chính nhờ chiều sâu nhân bản ở nội dung của tác phẩm lại được thể hiện với nghệ thuật tuyệt vời nên Truyện Kiều của Nguyễn Du sống mãi với thời gian.

### Giữa đất trời giao hưởng/Theo sóng từ trường/ Gặp gỡ Thụy Khuê/Trên một chặng bút trình (Trích đoạn Hồ Trường An mạn đàm với Thụy Khuê)

Hồ Trường An: *Chào chị Thụy Khuê, động cơ nào thúc đẩy chị soạn cuốn biên-khảo-mạn-đàm "Nói Chuyện Với Hoàng Xuân Hãn Và Tạ Trọng Hiệp"? Có phải chị muốn chính mình được biết tư tưởng, hành động, hoài bão, dự phóng của những kẻ tuy nổi trôi trên dòng lịch sử mà vẫn làm văn hóa không? Có phải chị muốn tìm hiểu thời đại và xã hội mà họ dần thân suốt chiều dài hành trình của họ không? ...*

Thụy Khuê: Thưa anh, khi soạn cuốn *Nói chuyện với Hoàng Xuân Hãn và Tạ Trọng Hiệp* tôi chỉ muốn tập hợp những bài nói chuyện với hai học giả đã được phát thanh trên đài RFI từ năm 1993 đến 1997 và đã in trên tạp chí Hợp Lưu. Cuốn sách phát hành sau khi họ qua đời như một tác phẩm tưởng niệm, nhưng cũng để sửa lại những sai lầm về văn bản, bởi loạt bài nói chuyện với bác Hãn (xin phép anh được dùng chữ bác Hãn, vì tôi đã quen gọi bác như vậy) in trên Hợp Lưu, đã được sách báo trong nước lấy lại, nhiều chỗ tùy tiện thêm bớt, trái với tinh thần nghiên cứu khoa học và làm sai ý bác Hãn. Đó là lý do thực tiễn. Động cơ sâu xa hơn, và cũng để trả lời chính xác câu hỏi của anh, tại sao tôi tìm gặp hai nhà văn hoá trên, là như thế này:

Về bác Hãn, có lẽ phần đông chúng ta đều đã «biết» Hoàng Xuân Hãn qua sách vở giáo khoa, nhưng không mấy ai có dịp tiếp xúc với con người. Khoảng 1983-84, tôi được đọc bài *Hồ Xuân Hương với vịnh Hạ Long* của bác in trên tạp san Khoa Học Xã Hội ở Paris, bài viết đưa ra một Hồ Xuân Hương chưa từng có trong hình ảnh Hồ Xuân Hương «của tôi». Năm 1988, tôi lại có

dịp nghe bác nói chuyện về Hồ Xuân Hương. Vì thế, từ (1990) khi phụ trách chương trình văn học nghệ thuật hàng tuần của đài RFI, tôi vẫn muốn giới thiệu với thính giả những khám phá mới của Hoàng Xuân Hãn về Hồ Xuân Hương, và đầu năm 1993, tôi thực hiện chương trình nói chuyện đầu tiên với bác Hãn về Hồ Xuân Hương. Sau khi loạt bài này được phát thanh về nước, có một số người đã sang Pháp, tìm đến bác để học hỏi thêm. Có lẽ vì thấy ảnh hưởng nhanh chóng và rộng rãi của truyền thanh, cho nên những lần sau, khi tôi tìm gặp, bác đã nói về tất cả mọi vấn đề, trả lời mọi câu hỏi mà không ngần ngại gì cả. Điều đó làm cho anh Hiệp có lúc đã hỏi tôi: *«Thầy Khuê làm thế nào mà hỏi bác được những «chuyện ấy», trong khi bao nhiêu năm tôi ở cạnh, hỏi bác mà bác không trả lời»*. Điều mà anh Hiệp gọi là «những chuyện ấy», chính là cái mà anh (Hồ Trường An) gọi là *«tư tưởng, hành động, hoài bão, dự phóng của những kẻ tuy nổi trôi trên dòng lịch sử mà vẫn làm văn hóa»*.

Vâng đúng như anh nghĩ, chủ đích của tôi là muốn cho người nghe cũng như người đọc biết được con đường Hoàng Xuân Hãn đã đi, trên hai mặt lịch sử và văn hóa trong bao nhiêu năm sống xa đất nước. Hoàng Xuân Hãn (cũng như Tạ Trọng Hiệp) đã làm những gì cho văn hoá nước nhà. Gặp bác tôi mới biết công trình đồ sộ bác nghiên cứu từ nửa thế kỷ qua là Kiều, bản thảo nhiều trang mực đã nhoè, mà hầu như ít người biết đến. Hoặc là giới trí thức thân cận bác thời ấy có biết nhưng họ không để ý. Bác say sưa nói về những khám phá mới, về những chữ trong Kiều bị tam sao thất bản mà bác đã tìm ra, chỉnh sửa lại...

Hoàng Xuân Hãn là nhà nho kín đáo, thận trọng, không thích nói về mình, cho nên bác không tự nhiên «thổ lộ» những điều có tính cách riêng tư, nếu không vì lợi ích chung. Xin kể anh nghe một chi tiết này: Một hôm tôi đến, bác dẫn vào phòng trong chào bác gái, lúc ấy đang bận tiếp một bà bạn. Chào xong, đi ra, bác cười và nói nhỏ với tôi: *«Chuyện của các bà thì có đến 90% là thừa»*. Ý nghĩ hóm hỉnh ấy của bác cứ theo tôi mãi, nhiều khi đang nói chuyện với ai, tôi cũng thử kiểm soát xem những điều mình nói có cần thiết không, hay là «thừa». Anh thử để ý mà xem, mình nói thừa, viết thừa nhiều lắm. Cho nên tôi lại càng hiểu sự kiệm lời của những người như Hoàng Xuân Hãn. Gặp tôi đúng lúc bác thấy có những điều cần nói và có lẽ chính bác cũng cảm thấy không còn thì giờ viết hồi ký, hoặc không muốn viết, cho nên bác đã «trao» những lời ấy cho tôi. Đó là cái duyên hạnh ngộ anh ạ. Theo tôi, ở đời mọi chuyện đều do nhân duyên cả. Anh Tạ Trọng Hiệp có tạng khác hẳn thầy Hãn, trong chỗ riêng tư anh ấy nói hết, anh Hiệp có những lời phê bình «kinh khủng» đối với những kẻ mà anh không thích. Anh Hiệp là thầy đồ Tây, tôi thích tính nói thẳng của anh. Theo tôi, hai thầy trò là hai khuôn mặt văn hoá dân thân, nhưng không dân thân theo nghĩa thông thường, như xuống đường hành động, viết tham luận chống đối, hoặc làm chính trị (Hoàng Xuân Hãn có làm chính trị, nhưng chỉ trong một thời gian ngắn) mà họ dân thân trong nghĩa sâu hơn, *dấn thân trong suy nghĩ*, và đó, tình cờ, cũng là một trong những định nghĩa dấn thân rất sâu xa của Sartre.

HTA: *Xin chị tóm tắt phương pháp biên khảo của Hoàng Xuân Hãn và của Tạ Trọng Hiệp ở những điểm đặc sắc cùng những điểm tương đồng và dị đồng của họ.*

TK: Hoàng Xuân Hãn có kiến thức hết sức rộng bao trùm cả Hán học lẫn Việt học, có cái nhìn vừa tổng hợp, vừa phân tích trên mọi vấn đề, và có thể nói về bất cứ vấn đề gì mà không cần tra cứu. Tạ Trọng Hiệp không có được kiến thức toàn diện của thầy, nhưng anh rất thận trọng, và khi làm việc anh khoanh vùng, đào sâu vào chi tiết, muốn tất cả phải toàn bích, do đó anh viết rất kỹ và rất ít. Khi hỏi anh Hiệp một điều gì, thì anh tra cứu trước khi trả lời, khác hẳn bác Hãn, trả lời ngay. Theo tôi, cả hai cùng có một tinh thần nghiên cứu khoa học mà ít nhà nghiên cứu (Việt Nam) đạt được: Hoàng Xuân Hãn đi rộng và đi xa, đưa ra những nghi vấn trong văn học, mở những hướng mới cho người sau tiếp tục tìm kiếm. Tạ Trọng Hiệp xới lên những thiếu sót, sai lầm không chấp nhận được trong những văn bản cổ (ví dụ tìm những chỗ Lê Quý Đôn

đã chép lại sách Tàu mà không đề xuất xứ). Tạ Trọng Hiệp dịch thuật, hiệu đính và phát hiện ra những cái mới.

HTA: *Cụ Hoàng Xuân Hãn phủ nhận bà Đoàn thị Điểm không phải là tác giả bản dịch thiên trường ca “Chinh Phụ Ngâm” và cụ có đủ tài liệu để củng cố cho lập luận của mình. Nhưng cụ lại hoài nghi Ngọc Hân Công Chúa không phải là tác giả thiên trường ca đăm lẹ “Ai Tư Vãn», mà là do người khác trước tác theo cái sentiment (sic/ tình cảm) của bà mà thôi. Cụ Hoàng Xuân Hãn không có tài liệu nào chứng minh lập luận của mình. Cái hoài nghi của cụ cũng dựa trên cái sentiment của cụ đấy thôi. Nhưng chị nghĩ sao đây? Bài “Văn Tế Vua Quang Trung” do Ngọc Hân Công Chúa soạn ra để truy điệu ngài rất đẹp lời, rất thiết tha tình ý và có giọng điệu của bài “Ai Tư Vãn”. Không lẽ bài văn tế đó cũng do kẻ khác viết hay sao?*

T K: Trước hết, xin nói rõ hơn về câu tôi hỏi bác: *«Thưa bác, Ai Tư Vãn có thể không phải do Ngọc Hãn viết ra?»,* đó là một câu hỏi phụ, trong phần về vua Quang Trung. Sở dĩ tôi hỏi như vậy, vì trong thâm tâm vẫn có ý nghi ngờ không chắc có phải Ngọc Hãn viết bài thơ ấy; một mặt vì tôi thấy văn chương bài *Ai Tư Vãn* rất hay, hết sức chải chuốt; một mặt lại cũng không thấy sử sách nhắc đến thi tài của Ngọc Hãn như Hồ Xuân Hương hay Đoàn Thị Điểm. Về câu hỏi này, Bác Hãn, như thường lệ, cũng đã trả lời ngay: *«Oui, tôi thì tôi không tin là của Ngọc Hãn đâu»* và bác đưa ra lý do là những người có chức vị cao như tổng thống Mitterand, thường có «nègre» viết hộ; hoặc bài *Văn Tế Trần Hưng Đạo* mà mọi người cứ tưởng là của Nguyễn Văn Thành, nhưng có phải Nguyễn Văn Thành viết đâu, Nguyễn Huy Lãng (tức Nguyễn Huy Lượng) tác giả Tụng Tây Hồ phú viết hộ đấy. Theo bác, người mình «duy tâm» suy nghĩ theo cảm tính, cứ thấy cô công chúa thì thích... để như thế. Nhưng bác cũng nói thêm: *»Đó chỉ là một «sentiment» thôi. Cụ Lê Dư trước có nói với tôi rằng, bài văn ấy của một ông tên là Nhi, gi ấy, tôi không nhớ rõ».* Tôi lại hỏi: vậy có phải Phan Huy Ích viết hộ không? Thì bác bảo: *«Không phải Phan Huy Ích, nhưng nếu chúng ta có chứng cứ gì là của Phan Huy Ích thì cũng có thể tin được».* Đó là lối nói của Hoàng Xuân Hãn để hướng dẫn người sau tiếp tục tìm kiếm, ít nhất về hai hướng: Phan Huy Ích và một người nữa tên là Nhi do cụ Lê Dư đề xuất. Giáo sư Trần Văn Khê kể lại một giai thoại khác: khi làm luận án về nhạc học, ông muốn tìm nguồn gốc giọng sa mạc, ông hỏi Hoàng Xuân Hãn, bác Hãn bảo: cứ thử tìm về phía Ả Rập chắc sẽ thấy. Và Trần Văn Khê cho biết: quả như lời bác Hãn, điệu sa mạc của ta có nguồn gốc Ả Rập.

Cho nên cái mà Hoàng Xuân Hãn gọi là «sentiment», chỉ có nghĩa là: tôi mới nghĩ như thế, nhưng chưa kiểm chứng được, vậy bạn hãy tìm cách kiểm chứng, để xác định hoặc phủ định ý kiến của tôi.

Trong cuốn *Quốc Văn Đồi Tây Sơn*, Sơn Tùng (tức Hoa Bằng) Hoàng Thúc Trâm - để chứng minh Ngọc Hãn mất năm Kỷ Mùi (1799), trước khi nhà Tây Sơn đổ (1802) - đã tìm ra năm bài văn tế Ngọc Hãn do Phan Huy Ích viết, ông viết: *«Chúng có ấy tôi tìm được ở năm bài văn tế, do một yếu nhân đời Tây Sơn là cụ Dụ Am Phan Huy Ích đứng thảo: Một bài cho vua Cảnh Thịnh, một bài cho các con gái vua Quang Trung, một bài cho Phù Ninh từ cung là mẹ đẻ của Ngọc Hãn, một bài cho cụ hoàng Sòng là những người trong tôn thất nhà Lê và một bài cho các bà con họ ngoại bên Phù Ninh để đọc trong những tuần tế điện bà Ngọc Hãn tức Vũ Hoàng Hậu»* (trích *Quốc Văn Đồi Tây Sơn*, Sơn Tùng Hoàng Thúc Trâm, trang 82-83, Vĩnh Bảo, Sài Gòn, 1950). Điều này càng chứng tỏ Phan Huy Ích là một trong những cây bút chính thức của triều đình Tây Sơn, do đó, rất có thể, ông hay một cây bút chính thức khác đã viết hộ Ngọc Hãn bài *Văn tế vua Quang Trung* chăng? Đây cũng chỉ là một giả thiết, chúng ta chưa có bằng chứng cụ thể bằng văn bản.

HTA: *Cụ Hoàng Xuân Hãn cho rằng cuốn tiểu thuyết của Thanh Tâm Tài Nhân là tác phẩm có giá trị làm cụ nghĩ tới văn chương của Honoré de Balzac. Nhưng khi ông Trần Trọng Kim viết*

*bài tựa cho cuốn “Truyện Thúy Kiều” do ông cùng ông Bùi Kỳ biên soạn thì lại chê tác phẩm của Thanh Tâm Tài Nhân tầm thường. Theo chị, thì sao? Có ai thích xem một quyển sách tầm thường rồi phóng tác nó, để nguyên tên của nhân vật trong tác phẩm ấy không?*

TK: Tôi có đọc tác phẩm của Thanh Tâm Tài Nhân qua bản dịch tiếng Việt, tiếc rằng cuốn sách này tôi đã biểu nhạc sĩ Phạm Duy, khi ông cần tư liệu để soạn Minh Hoạ Kiều, nên không còn trong tay, để trích ra đây vài đoạn cho anh thấy cái hay của văn bản này. Về giá trị tác phẩm của Thanh Tâm Tài Nhân, tôi đồng ý với nhận định của Hoàng Xuân Hãn: đây là một cuốn tiểu thuyết hiện thực rất hay, lối văn tả chân, sống động và lôi cuốn, cho nên bác Hãn đã so sánh với lối viết tỷ mỉ của Balzac về xã hội và phong tục. Văn viết theo lối bạch thoại (văn nói) và trong truyện lại chen rất nhiều thơ, làm theo lối bình dân, dễ hiểu. Chính bác Hãn cũng nhận xét là những người theo đường văn cử nghiệp (tức là văn chương bác học) thì chê là tầm thường, còn những người chuộng văn dân gian thì cho là hay.

Học giả Trần Trọng Kim nghiêng về lối văn bác học, cho nên ông chê là phải.

Chắc là Nguyễn Du đã đánh giá cao cuốn tiểu thuyết này, nên cụ mới chọn để viết lại nó bằng thể thơ. Sở dĩ tôi dùng chữ «viết lại» mà không dùng «phóng tác» vì bác Hãn cũng nói là: «Cụ Nguyễn Du có quyền ấy rồi thì cụ cứ theo trong truyện Tàu như thế nào thì cụ kể như thế. Không thêm tí nào. Nhưng cụ bỏ những cái dông dài», và khi đọc và so sánh hai văn bản, thì tôi thấy đúng như thế: Nguyễn Du viết lại tác phẩm của Thanh Tâm Tài Nhân bằng thơ, mà không phóng tác.

Điểm này làm sáng tỏ thêm một vấn đề nữa: là cùng một cốt truyện, cùng những chi tiết trong truyện, nhưng ngôn ngữ thơ của Nguyễn Du và ngôn ngữ văn nói của Thanh Tâm Tài Nhân hoàn toàn khác nhau, dẫn đến hai tác phẩm hoàn toàn khác nhau, không thể so sánh được. Và càng chứng tỏ «cốt truyện» có chỗ đứng rất khiêm nhường trong một tác phẩm văn học. Cái hay trong tác phẩm Thanh Tâm Tài Nhân nằm trong cách trình bày hiện thực xã hội. Cái hay trong tác phẩm Nguyễn Du nằm ở sự mô tả cuộc đời toàn diện trong một cấu trúc ngôn ngữ thi ca tuyệt vời, vừa bình dân vừa bác học, vừa là thơ vừa nói thơ. Một điểm nữa: Truyện Kiều là một câu chuyện có thật, dưới thời nhà Minh. Trước khi Thanh Tâm Tài Nhân đem vào tiểu thuyết đã có nhiều người viết thành kịch, truyện. Cho nên «cốt truyện» có thể coi như «cái tích» lấy trong văn chương, lịch sử Trung Quốc. Và cách viết lại truyện Kiều bằng thơ của Nguyễn Du (từ nguyên bản tiểu thuyết của Thanh Tâm Tài Nhân), cũng tương tự như cách các nhà văn, nhà thơ, kịch tác gia... Âu Châu, đời này sang đời khác, lấy lại những tích trong huyền thoại Hy Lạp, trong Kinh thánh, trong L’Odyssée, L’Iliade của Homère để viết lại, theo ngôn ngữ và tư tưởng của mình, của thời đại mình. Trong thuật ngữ phê bình, tất cả những văn bản có chung một gốc như thế, người ta gọi là những *liên văn bản*.

HTA: *Hình như cụ Tiên Điền Nguyễn Du là người rành Phật pháp, chuyên trì tụng “Kinh Kim Cương”, thế mà sao cụ lại đặt quan niệm “Trời xanh ghen ghét má hồng” và “tài mệnh tương đố” cho tiền đề quyển “Đoạn Trường Tân Thanh”? Đó đâu phải là tư tưởng nhà Phật. Đạo Phật đâu có tin ông Trời. Lại càng không tin chẳng có Trời nào hiện hữu có thể nắm giữ định mạng con người trong tay, nhất là cái thứ ông Trời bốc đồng, ganh ghét nhỏ nhen như vậy. Đạo Phật chủ trương con người hạnh phúc hay lâm than đau khổ là do thiện nghiệp và ác nghiệp tự chính mình gây ra. Vậy chị nghĩ sao về cái tiền đề này?*

TK: Dường như hầu hết chúng ta đều bị ảnh hưởng các giáo sư dạy Việt văn ở nhà trường, họ thường nhồi vào đầu óc học sinh những công thức viết sẵn trong các sách giảng văn trung học, như: Triết lý trong Kiều là triết lý nhà Phật, hoặc truyện Kiều thể hiện Thuyết tài mệnh tương đố... Theo tôi, điều đó ai nói cũng được, vì nó chẳng đúng mà cũng chẳng sai. Bây giờ, mình

thử nhìn Kiều dưới một góc cạnh khác, liên quan đến vấn đề tư tưởng chủ đạo trong một tác phẩm xem: Thật ra có nhiều cách trình bày tư tưởng, rất khác nhau, tùy tác giả, và tùy tác phẩm: Có trường hợp, như anh vừa nói, tức là tác giả dùng một triết thuyết nào đó, làm sợi dây chỉ nam cho tác phẩm của mình (thí dụ: *Triết lý đạo Phật* là tư tưởng chính trong bài *Văn tế thập loại chúng sinh* của Nguyễn Du, hay *Chủ nghĩa dân tộc* là tư tưởng chỉ đạo trong toàn bộ tác phẩm của Hồ Hữu Tường). Nhưng cũng không thiếu những trường hợp, trong cùng một tác phẩm, ta thấy tác giả đi từ triết lý này đến triết lý khác, đi từ hệ tư tưởng này để đến với một hệ tư tưởng hoàn toàn khác, hoặc tạo ra triết lý bằng những kinh nghiệm sống, kiểu: «*những điều trông thấy mà đau đớn lòng*». Truyện Kiều của Nguyễn Du gắn gũi với trường hợp thứ ba.

Là một nghệ sĩ đã làm những câu thơ tình trác tuyệt như «*hương gậy mùi nhớ trà khan giọng tình*», Nguyễn Du phải là một người hết sức tự do, phóng khoáng trong tư tưởng. Và trong Kiều, cụ đã sử dụng tài tình nhiều loại hình tư tưởng, không riêng gì triết lý đạo Phật. Chỉ với một đoạn thơ ngắn dưới đây, trong đoạn kết truyện Kiều (không phải là tiền đề đầu anh), chúng ta thấy rõ ngay điều đó:

Có tài mà cậy chi tài  
Chữ tài liền với chữ tai một vần  
Đã mang lấy nghiệp vào thân  
Cũng đừng trách lẫn Trời gần, Trời xa  
Thiện căn ở tại lòng ta  
Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài

Nhìn qua, chúng ta thấy ngay, khi viết: «*Có tài mà cậy chi tài / Chữ tài liền với chữ tai một vần*», là cụ dựa vào hai kinh nghiệm sống. Tiếp theo là: «*Đã mang lấy nghiệp vào thân / Cũng đừng trách lẫn trời gần trời xa / Thiện căn ở tại lòng ta*», «*đúng là triết lý nhà Phật*. Nhưng ngay sau đó, là một thứ đạo đức tu thân rất gần với đạo đức học của Kant «*Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài*», (nghĩa là con người phải hành động theo lương tri, có tài mà không có lương tri thì cũng vứt đi). Nếu xét toàn bộ tác phẩm, Nguyễn Du đã mô tả được cuộc đời toàn diện và muôn mặt, đã vẽ chân dung đủ mọi hạng người, từ anh hùng (Từ Hải): «*Râu hùm hàm én mày ngài / Vai năm thước rộng, thân mười thước cao*», đến chủ nhà chửa (Tú Bà): «*Thoắt trông nhờn nhợt màu da / Ăn gì to lớn đẩy đà làm sao*»... mỗi người chỉ cần vài nét mà chính xác vô cùng, thì mới thấy Nguyễn Du dựa trên sự quan sát và kinh nghiệm sống một cách triệt để, hơn là trên lý thuyết triết học. Nói cách khác, triết lý trong tác phẩm của Nguyễn Du gồm thấu những mảnh triết lý «*vụn*» thu lượm trong đời sống hàng ngày. Đó là những kinh nghiệm mắt thấy tai nghe, không phải là những điều rút ra từ một hệ thống triết học cao xa trong kinh sách. Và chính ở chỗ đó mà Nguyễn Du lớn lao và gắn gũi với chúng ta: trong sinh hoạt hàng ngày, người Việt, cả lương lẫn giáo, thường nói đến Trời, chứ không nói đến Thượng Đế, hay Đức Phật. Người Việt thiếu óc trừu tượng, lại rất ít tinh thần hệ thống hoá, cho nên không có triết học hiểu theo nghĩa một hệ thống hoàn chỉnh. Những lại có rất nhiều kinh nghiệm sống thực tiễn, kiểu: cô này đẹp quá, chắc sau này sẽ khổ đây! Mỗi kinh nghiệm như vậy được thể hiện trong thơ (văn), dưới nhiều hình thức khác nhau: «*Trời xanh quen thói mà hồng đánh ghen*»(Kiều). «*Khách má hồng nhiều nổi truan truyền*» (Chinh Phụ Ngâm), hay «*Người đẹp vẫn thường hay chết yểu / Thi nhân đầu bạc sớm hơn ai*» (J. Leiba)... Anh thử đọc vài câu Kiều bắt được đâu đó tình cờ mà xem, anh sẽ thấy rất nhiều câu như thế: Về thân phận người đàn bà: «*Đau đớn thay phận đàn bà*», cụ viết hai lần, một lần trong *Kiều*, một lần trong *Văn tế thập loại chúng sinh* một câu thơ như thế có hiệu ứng tương tự như Simone de Beauvoir viết *Deuxième sexe*, như người đàn ông Do Thái đọc kinh sáng «*Ơn Trên đã sinh con là đàn ông*», hoặc như Platon cảm ơn thần thánh, thứ nhất sinh ông là người tự do, không phải kẻ nô lệ, và thứ hai sinh ông là đàn ông. Về nỗi buồn: «*Sầu đông càng lác càng đầy*». Về sự rui ro của số phận: «*Bất phong trần phải phong trần / Cho thanh cao mới được phần thanh cao*», Về người đẹp yếu tướng: «*Rằng hồng nhan tự*

ngàn xưa / *Cái điều bạc mệnh có chữa ai đâu*». Về thân phận người đàn bà làm điếm: «*Sống làm vợ khắp người ta / Hại thay thác xuống làm ma không chồng*». Về cách ăn ở: «*Càng cay nghiệt lắm càng oan trái nhiều*». Về kinh nghiệm chồng chung: «*Chồng chung chưa để ai chiều cho ai*»,... đó toàn là những kinh nghiệm sống đúc kết lại. Nguyễn Du không những đã vẽ được cuộc đời toàn diện mà còn là nhà thơ bên vực phụ nữ. Nguyễn Du đã lột được «dân tộc tính» của người Việt, cho nên mới gần gũi chúng ta đến thế. Hầu như mỗi tình huống rủi may trong đời sống, ta đều có thể tìm thấy một câu Kiều «ứng» vào «vận» mình, cho nên người ta mới hay bói Kiều, mà không bói Cung Oán, Chinh Phụ. Ví thế, Nguyễn Du đã viết được những «tình huống của con người hôm nay», tức là cái hiện sinh con người.

Tuy triết lý trong Kiều là những mảnh triết lý vụn, nhưng cũng đừng coi thường thứ triết lý vụn này: Bởi Socrate, Khổng Tử, cũng đã «xuống đường» trò chuyện với dân gian như thế; Phật Thích-Ca hay Chúa Giê-Su cũng đã từng giảng những kinh nghiệm sống «vụn» như vậy, để mọi người nghe đó mà rút ra bài học cho riêng mình. Triết học bắt đầu như vậy. Việc lập thuyết thành một hệ thống chặt chẽ là về sau, những đệ tử của các bậc hiền triết, có khi cả trăm năm sau mới viết thành sách, hệ thống hoá và thêm thắt vào.

Mà giả sử như Nguyễn Du có đi theo một chủ thuyết kinh điển để viết truyện Kiều (như triết lý đạo Phật), thì chưa chắc đã thu hút được người đọc. Bởi tác phẩm văn chương không có nhiệm vụ trực tiếp giáo dục con người hướng thượng như một triết thuyết tôn giáo.

## Từ ghi chép về *Vương Thúy Kiều* trong *Minh sử* đến *Truyện Kiều* của Nguyễn Du Nguyễn Cẩm Xuyên

*Truyện Kiều* của Nguyễn Du chiếm địa vị cao nhất trong văn học nước ta. *Kiều* không chỉ phổ biến rộng trong giới bình dân mà cả ở hàng trí thức, quý tộc, vua chúa... vẫn thích. Tương truyền vua Tự Đức mê đọc *Kiều* đến nỗi sách mòn đứt chỉ khâu, phải đóng gáy lại đến 3 lần. Từ thực tế ấy, rõ ràng không có tác phẩm nào được chú ý nhiều đến vậy. Hơn thế nữa, truyện còn gây nên những tranh cãi kịch liệt xuất phát từ những quan điểm mâu thuẫn nhau. Khi mới được phổ biến, nhiều nhà Nho vẫn bài bác:

*Đàn ông chớ kể Phan Trần*

*Đàn bà chớ kể Thúy Vân, Thúy Kiều.*

“*kể*” ở đây là đọc, là ngâm lên cho người khác cùng nghe, cùng thưởng thức. Tam tòng, tứ đức cứng nhắc của đạo Nho đã khiến người ta dị ứng với những chuyện tình vượt ra ngoài vòng lễ giáo âu cũng là điều dễ hiểu; ấy vậy mà *Kiều* vẫn có sức sống mạnh mẽ. Người ta không chỉ đọc mà còn *đố Kiều, lẩy Kiều, bói Kiều, vịnh Kiều, tập Kiều...*; cứ thế trải qua hơn trăm năm, đến đầu thế kỷ XX thì nhóm tân học Trần Trọng Kim, Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Quỳnh... khen ngợi *Truyện Kiều* đến tột cùng. Trên Nam Phong tạp chí, học giả Phạm Quỳnh đã từng viết: “... *trước truyện Kiều không có sách gì hay bằng truyện Kiều, mà sau truyện Kiều cũng không có sách gì hay hơn truyện Kiều nữa...*”. Ngày 8 tháng 12 năm 1924, trong lễ giỗ Nguyễn Du tại Hà Nội, Phạm Quỳnh - lúc này đang là chủ bút báo Nam Phong - trước hơn hai nghìn người đã hùng hồn tuyên bố “*Truyện Kiều còn, tiếng ta còn. Tiếng ta còn, nước ta còn*”. Kể từ đó người tham gia tranh luận nhiều vô kể. Có người đồng ý, có kẻ nặng lời chỉ trích.

*Truyện Kiều* ở nước ta nổi tiếng là vậy mà nhân vật, cốt truyện lại là của sử sách Trung Hoa. Việc này cũng dễ hiểu bởi nước ta thâm nhập văn hóa Trung Hoa đã lâu đời. Các nhà Nho nước ta học chữ Hán, đọc sách Tàu thì thơ văn sáng tác chịu ảnh hưởng sách vở Trung Hoa là điều không tránh được. Nguyễn Du cũng không ở vào biệt lệ; vậy nhưng tuy mượn cốt truyện

của Tàu mà các vật liệu khác tạo nên tác phẩm lại là thuần Việt: từ tính cách, ngôn ngữ nhân vật, các tình tiết truyện đến từng suy nghĩ, thái độ, cách ứng xử của các nhân vật...đều mang màu sắc đặc trưng của người Việt. Đọc *Truyện Kiều*: nhân vật trong truyện là những con người thuần Việt Nam không lẫn vào đâu được, khác xa tính cách nhân vật trong các truyện về Vương Thúy Kiều từ Minh cho đến Thanh của Trung Hoa.

### TỪ MINH SỬ ĐẾN “VƯƠNG THÚY KIỀU TRUYỆN”

Vương Thúy Kiều là người thật ở đời Minh về sau trở thành nhân vật trung tâm của nhiều tiểu thuyết và một số vở kịch, tuồng như *Tứ Thanh Viên* của Từ Văn Trường<sup>(1)</sup> *Hổ phách thi* của Diệp Trí Phi, *Song Thúy viên* của Hạ Bình Hoàn... rồi trở thành nhân vật chính trong *Truyện Kiều* của Nguyễn Du. Mấy mươi năm trước, nói đến nguồn gốc *Truyện Kiều*, nhiều sách – kể cả một số sách giáo khoa trong nhà trường ở cả hai miền Nam Bắc – thường chỉ nhắc đến *Kim Vân Kiều truyện* của Thanh Tâm tài nhân mà bỏ qua nhiều tác phẩm khác đời Minh đã viết về cuộc đời Vương Thúy Kiều.

Trước tiên, cần nói đến bộ sách *Trù Hải Đồ Biên* do quan Tổng đốc đời Minh là Hồ Tôn Hiến soạn gồm 13 quyển; ở quyển 9 có bài *Kỷ tiểu Từ Hải bản mặt*<sup>(2)</sup> (ghi chép ngọn ngành việc đánh dẹp Từ Hải) kể lại chuyện quân Minh đánh nhau với quân Oa<sup>(3)</sup> vào năm Bình Thìn (1556) đời Gia Tĩnh. Lúc này Từ Hải, một tướng cướp biển, mang hơn 1 vạn quân từ sào huyệt ở Sạ Phố xuống Hàng Châu cần quét các vùng Tô Châu, Hồ Châu, uy hiếp Kim Lăng. Thế giặc mạnh, Hồ Tôn Hiến phải dùng mưu dụ hàng rồi trở ngược lại đánh bằng hỏa công. Từ Hải thua trận nhảy xuống sông. Quân Hồ Tôn Hiến bắt được 2 thị nữ, một người tên Vương Thúy Kiều, một người tên Lục Châu, vốn xuất thân từ ca kỹ. Hai thị nữ khóc và chỉ chỗ Hải trầm mình; quân sĩ vớt Từ Hải lên chém lấy thủ cấp mang về...



Về sau lại có thêm nhiều tác phẩm nữa kể chuyện Vương Thúy Kiều là Hồ Thiếu Bảo bình Oa chiến công của Chu Tiếp, Vương Thúy Kiều truyện của Dư Hoài, Lý Thúy Kiều truyện của Đới Sĩ Lâm, Sinh báo Hoa Ngạc ân, tử tạ Từ Hải nghĩa của Mộng Giác Đạo Nhân<sup>(4)</sup> và Vương Thúy Kiều truyện của Hồ Khoáng. Trong truyện, Từ Hải đã được miêu tả là một anh hùng bên cạnh phụ nhân là Vương Thúy Kiều. Các truyện càng về sau càng hư cấu thêm nhiều nhân vật, nhiều tình tiết, biến chuyện có thật của lịch sử thành tiểu thuyết kì tình; riêng truyện của Mộng Giác Đạo Nhân và Dư Hoài<sup>(5)</sup> đã là tiểu thuyết luận đề, tập trung vào chủ đề tư tưởng rất hợp khẩu vị của giới bình dân: người phụ nữ rất đỗi tâm thường trong xã hội mà lại trung nghĩa, khi



tiết hơn hẳn các bậc trượng phu, hơn cả những đại nhân, quan lại như Hồ Tôn Hiến. Mở đầu truyện, mặc dù Mộng Giác Đạo Nhân đã nêu gương Muội Hỉ, Đát Kỉ, Bao Tự, Trương Lệ Hoa, Dương Quý Phi... làm “hoang khí chính sự, chí táng quốc gia” trước khi kể chuyện Vương Thúy Kiều nhưng tựu trung lại tô điểm cho nhân vật này nhiều hào quang khiến hình ảnh người phụ nữ trong xã hội được đề cao: Vương Thúy Kiều không chỉ đẹp về hình vóc mà còn đẹp cả về tư cách, phẩm hạnh, là người trung hiếu vẹn toàn lại rất nghĩa khí: sẵn sàng liều mình khi ân nhân tử nạn.

### TỪ TIỂU THUYẾT MINH-THANH ĐẾN TRUYỆN KIỀU CỦA NGUYỄN DU

Trong tất cả các sách viết về Vương Thúy Kiều của Trung Hoa thì *Sinh báo Hoa Ngọc ân, tử tạ Từ Hải nghĩa* của Mộng Giác Đạo Nhân và *Vương Thúy Kiều truyện* của Dư Hoài là đã bắt đầu đậm chất tiểu thuyết và đã kể về cuộc đời Kiều khá tỉ mỉ:



*Kim Vân Kiều quảng tập truyện; Liễu Văn Đường tàng bản; Khải Định năm thứ 9 (1924)*  
Đầu truyện có khắc bài thơ của Phạm Quý Thích (*Lương Đường Phạm tiên sinh soạn thi nhất thủ*)

(Trích từ *Bộ sưu tập số hóa* tại Thư viện Quốc gia Việt Nam)

Vương Thúy Kiều là người Lâm Tri, thuở nhỏ bị bán vào kĩ viện, lấy họ Mã, thường gọi là *Mã Kiều nhi*. Tuy còn nhỏ nhưng đẹp và thông minh, lại hát hay, đàn giỏi, thổi sáo cũng hay nên được nhiều người mến chuộng; vậy nhưng tính tình nhã đạm, không thích trang sức và cũng không thích nghề chiêu chuộng khách nên giá mầu lấy thế làm giận, thường chửi đánh. May có được một chàng thiếu niên giàu có chuộc ra, thuê nhà cho ở, đổi tên là Vương Thúy Kiều. Về sau lại gặp La Long Văn, một hào phú có cảm tình thường chu cấp, đi lại với Kiều và nuôi thêm cho một hầu gái là Lục Châu. Lúc này có một tướng cướp là Từ Hải, gặp lúc quần bách lén trốn vào ở nhờ nhà Thúy Kiều.

Từ Hải nguyên là *Minh Sơn Hòa Thượng*, tu tại chùa Hồ Bào ở Hàng Châu. Long Văn gặp Từ Hải, đánh giá Hải là tráng sĩ nên cùng giao tiếp, lại đem cho Lục Châu làm hầu gái. Sống cùng La Long Văn một thời gian, Từ Hải từ biệt lên đường quyết lập chí dựng cơ đồ, chiêu tập bọn thảo khấu quay về xâm chiếm Giang Nam, vây đánh Tuần phủ Nguyễn Ngọc. Thật bất ngờ, trong một trận đánh, quân sĩ lại bắt được Thúy Kiều và Lục Châu. Mừng lắm, Từ Hải lập Thúy Kiều làm phu nhân, thường cùng cho dự bàn quân cơ. Lúc này thế lực Từ Hải đã mạnh; triều đình phải cử Tổng đốc Hồ Tôn Hiến ở Triết Giang đánh dẹp. Hồ Tôn Hiến nhiều mưu lược, thấy thế lực của Từ mạnh bèn cho Hoa lão nhân đến dụ hàng. Từ Hải nổi giận bắt trói Hoa lão nhân. May cho Hoa là lúc này tuy Kiều hết sức được yêu chiều nhưng vẫn canh cánh nỗi nhớ cố hương, mong sớm được đoàn viên bèn bàn với Từ tha chết cho Hoa. Hoa trở về báo với Tôn Hiến là thế giặc đang mạnh, chưa thể đánh nhưng xem ra Vương phu nhân có vẻ có ngoại tâm, ta có thể nhân đây mà thắng giặc. Tôn Hiến có biết La Long Văn là ân nhân cũ của Từ Hải và

Thúy Kiều bèn dùng Văn để dụ hàng. Long Văn đến dinh, được Từ Hải ân cần tiếp đãi lại cho gọi phu nhân cùng Lục Châu ra chào. Trở về, Long Văn bàn với Hồ Tôn Hiến dùng kế đem châu báu lo lót Thúy Kiều, vận động Từ quy hàng. Đúng như ý nguyện, Kiều ra sức khuyên Từ Hải quy phục triều đình. Nghe lời Thúy Kiều, Từ Hải ước hàng cùng Tôn Hiến, không phòng bị gì. Tôn Hiến dùng hỏa công đánh giặc tan tác. Từ Hải nhảy xuống sông bị quan quân vớt lên chém đầu. Trong tiệc khao binh, Tôn Hiến bắt Thúy Kiều hát và chuốc rượu. Lúc quá chén, Tôn Hiến cũng giở trò đùa cợt. Hôm sau tỉnh rượu, sợ mất thể diện trọng thần, Tôn Hiến đem Thúy Kiều gả cho tù trưởng Vĩnh Thuận. Lúc sang sông, Kiều khóc lớn rồi đâm đầu xuống nước tự trầm.

Truyện của Dư Hoài tuy đã khá gần với Truyện Kiều nước ta song chưa xây dựng đoạn *Kim Kiều tái hợp*. Kiều chết trên sông Tiền Đường là hết chuyện. Cuộc đời Kiều chưa chứng minh cho tư tưởng *Thiên mệnh* và *Nhân quả*. Phải đợi đến đời Thanh, *KIM VÂN KIỀU TRUYỆN* của Thanh Tâm tài nhân mới thực sự có cốt truyện gần giống với truyện Kiều của ta. Dương Quảng Hàm trong *Việt Nam văn học sử yếu* cho rằng Truyện Kiều nước ta đã xuất phát từ *Kim Vân Kiều truyện* của Thanh Tâm tài nhân. Học giả Phạm Quỳnh cũng có ý kiến tương tự: “...*Nguyên bộ tiểu thuyết Tàu mà cụ phỏng theo để đặt ra truyện Kiều để là “Thanh Tâm tài nhân lục”, không biết rõ tác giả là ai, soạn vào đời nào, nhưng truyện với lời văn cũng tầm thường, ngoài mấy bài từ điệu có vẻ thanh tao lưu loát, không có đặc sắc gì. Nhưng bộ tiểu thuyết ấy cũng không phải là truyện đặt ra cả, có lẽ căn cứ ở sự thực mà kết cấu ra...*” Vậy là lúc này Phạm Quỳnh chưa thể xác định được Thanh Tâm tài nhân là ai và *Kim Vân Kiều truyện* viết khi nào, riêng Dương Quảng Hàm thì cho rằng: “*Tuy là không biết tác giả tên thực là gì và sống về đời nào nhưng các việc kể trong tiểu thuyết đều thuộc về đời Gia Tĩnh nhà Minh tức là từ năm 1522 đến năm 1566, mà sách ấy lại do Kim Thánh thán sống từ năm 1627 đến năm 1662 phê bình, vậy theo đấy ta có thể biết được rằng sách ấy làm vào khoảng cuối thế kỷ thứ XVI hoặc đầu thế kỷ thứ XVII*”. Đến nay vẫn tồn tại nhiều giả thuyết về Thanh Tâm tài nhân, chưa ai khẳng định được đích xác.

Như vậy qua khoảng thời gian dài, một câu chuyện có thật trong lịch sử Trung Hoa đã trở thành một tiểu thuyết kì tình sau khi trải qua cả một quá trình sửa đổi thêm thắt nhiều tình tiết, nhân vật. Từ một con hát nơi kĩ viện, thường bị giả mầu chửi đánh vì không chịu chiều đãi khách, *Mã Kiều nhi* đã thành một tiểu thư xuất thân nơi khuê các, có cuộc tình đầy hoa mộng với văn nhân Kim Trọng - một nhân vật không hề có trong đời thực của Vương Thúy Kiều; rồi *cuộc đoàn viên sau 15 năm lưu lạc* đến đời Thanh được thêm vào là nhằm phục vụ chủ đề “ở hiền gặp lành”, một chủ đề quen thuộc trong văn chương Đông Á... Có lẽ tất cả những cái biên này là sự phối hợp giữa những chuyện kể dân gian với sức tưởng tượng phong phú của nhà văn đời Minh-Thanh qua hơn 200 năm... rồi sau khi đến Việt Nam, nhân vật Vương Thúy Kiều lại được khoác lên một diện mạo hoàn toàn mới: sau khi lược bớt một số đoạn, thay đổi nhiều tình tiết, truyện đã trở nên ý vị hơn, đậm tình người hơn, tính cách nhân vật trở nên nhất quán hơn, cách ứng xử cân phân hơn, nhân hậu hơn... Kiều lúc này đã thành hình mẫu người phụ nữ thuần túy Việt Nam với nhân cách tuyệt vời như những điển hình thường xuất hiện trong cổ tích.

-----  
CHÚ THÍCH:

- (1) *Từ Văn Trường* (Từ Vị), một nhà văn đời Minh, có nhiều bút danh: Thiện Tri, Thanh đảng, Điền Thủy Nguyệt, là mặc khách của Hồ Tôn Hiến.
- (2) *TRÙ HẢI ĐỒ BIÊN* 籌海圖編 là bộ sách do Hồ Tôn Hiến soạn, gồm họa đồ vẽ các vùng biển thường bị quân hải khấu Nhật xâm phạm và các kế hoạch trừ định nhằm giữ gìn an ninh vùng biển. Bài *Kỷ tiểu Từ Hải bản mạt* 紀剿徐海本末 chép ở quyển 9 của bộ sách này là do Phó sứ Mao Khôn, thuộc cấp theo lệnh Hồ Tôn Hiến ghi chép, đã kể lại khá tỉ mỉ cuộc đánh dẹp Từ Hải.

(Hồ Tôn Hiến - *Trù Hải Đồ Biên*, Cảnh Ân Văn Uyên Các, Tứ Khố Toàn Thư, sách thứ 343. Đài Bắc, Đài Loan; Thương Vụ ấn thư quán, 1983)

(3) *Oa* 倭: lùn. Người Nhật bản xưa thấp bé nên người Trung Hoa gọi là *Oa nhân* 倭人 (người lùn), nước Nhật là *Oa quốc* 倭国, cướp biển từ Nhật sang gọi là *Oa khấu* 倭寇 (giặc lùn). Chữ *Oa* vẫn hay bị đọc nhầm là *Nụy*

(4) Đây là hồi thứ 7 của tập truyện *三刻拍案惊奇 Tam Khắc Phách Án Kinh Kỳ* đời Minh của *夢覺道人 Mộng Giác Đạo Nhân*.

(5) *Dư Hoài* 余怀 (1617—?) tự là *Đạm Tâm*, học giả, nhà thơ, nhà văn nổi tiếng đất Giang Nam đời Minh mạt-Thanh sơ.

## Triết lý đoạn trường Nguyễn Sỹ Tế

Tôi rất ngần ngại khi phải trở lại một vấn đề đã cũ: bàn về *Đoạn trường tân thanh* của Nguyễn Du. Ngại ngần hơn nữa khi mà tác phẩm đó ít lâu nay trở thành đề tài cho những "tiếng nói chính thức" khen cũng như chê, ý thức hay vô tình, vụ lợi hay không vụ lợi.

Trong nghề nghiệp của tôi, tôi đã từng va đầu phải một chân lý già nua nhưng vĩnh cửu đã hơn một lần các văn học sử gia ghi nhận và kêu gọi: Chúng ta cứ tha hồ mà hao dụng mọi phương tiện thăm dò với cái tham vọng cát nghĩa hết thảy, chiếu sáng hết thảy, rốt cuộc vẫn còn một xó tối nào đó nơi một tác giả, một tác phẩm mà không một "ánh sáng khoa học nào" có thể xuyên qua được; khi đó chúng ta chỉ còn có một lối là dùng trực giác của chúng ta mà thôi. Và sau hết thảy, một tác phẩm tự nó chứng tỏ cho nó, tự nó nói với người đọc, tự nó xếp chỗ ngồi cho nó!

Trong một bài tiểu luận đăng trong một số *Sáng tạo* cũng như trong một vài cuốn sách nhỏ viết cho học sinh trung học tôi đã khiêm mẫn gút vấn đề tư tưởng của Nguyễn Du vào một tấn thảm kịch nội tâm. Xin nhắc lại sơ qua để làm khởi điểm cho bài viết này.

Tấn thảm kịch nội tâm của Tố Như có thể rút về ba cuộc tranh chấp song đồng:

- Trước hết là cuộc tranh chấp ảnh hưởng giữa ba ý thức hệ căn bản của Đông phương xưa. Đã gần chín thế kỷ rồi, từ thời tự chủ, Phật giáo và Khổng giáo lần lượt thay nhau thống trị tư tưởng Việt Nam, rốt cuộc, qua những phen thử thách gay go nhất là hồi cuối thế kỷ XVIII vẫn không đem lại an bình cho quốc gia Việt Nam. Người ta bắt đầu nghi ngờ giá trị của những phương pháp ứng dụng, nếu không là nghi ngờ giá trị nội dung của những ý thức hệ đó.
- Thêm vào đó là tấn thảm kịch của một người đứng ở một ngã ba đường lịch sử phải chọn nhận một thái độ: ra làm quan với nhà Nguyễn hay vẫn trung thành với kỷ niệm của nhà Lê. Ngã đường đã giẫm chân lên rồi, Tố Như vẫn chưa hết thắc mắc. Máy ai đã hoàn toàn tự chủ, không lỗi lầm, và đoán trước được mọi bất ngờ của việc đời, và chỗ vô thường của chính tâm lý mình?
- Sau rốt là sự tranh chấp giữa hai xu hướng thẩm mỹ nơi nhà thơ: thuận tình tới mức đã đạt tới của nghệ thuật hay phải đưa nó tới những bến bờ mới lạ. Không ai chối nhận được "tính cách kim thời" – modernisme – trong thi tài của Nguyễn Du.

Đó là những tranh chấp không tầm thường, không phiến diện, mà là những tranh chấp bám chặt vào ý thức của Tố Như làm nên cuộc khủng hoảng lương tâm, cuộc khủng hoảng đức tin, hiểu theo một nghĩa rộng, của tác giả. Đoạn trường hơn nữa, tấn thảm kịch nội tâm đó kéo dài vô tận mà dày vò nhà thơ cho đến lúc nhắm mắt phải thốt lên:

*Bất tri tam bách dư niên hậu,*

## *Thiên hạ thù nhân khắp Tố Như?*

Vậy thì hôm nay đây, theo gót một số người xưa: các thi gia Phạm Quý Thiên, Tôn Thọ Tường, Chu Mạnh Trinh, v.v. với trực giác và dưới ánh "tranh sáng tranh tối" của tấn thảm kịch trên, tôi thử gắng hệ thống hoá vấn đề, khoác cho nổi đoạn trường của Tố Như một bộ áo mới, nghĩ rằng: Hãy khởi đầu rút vấn đề tư tưởng của Nguyễn Du về điểm dứt khoát nhất là thái độ của tác giả đối với cuộc sống, đối với những nỗi thống khổ ở trên đời: *Triết lý về sự Đau khổ, Triết lý Đoạn trường*

Lại nữa, từ tấn thảm kịch nội tâm đặt ra vấn đề tư tưởng của Tố Như, nhận xét đầu tiên của chúng ta phải là: *Triết lý Đoạn trường* đó, - danh từ hiểu theo nghĩa rộng, - *tác giả không đặt trên bình diện của triết học thuần luận cao siêu mà chỉ đặt trên bình diện thông thường của thế nhân lấy bản thân làm luận cứ* <sup>[1]</sup> .

Trả Nguyễn Du về nghĩ của thường nhân, cảm của nghệ sĩ, cảm và nghĩ của một người mà cuộc đời là ngay chứng tích của Đoạn trường, nhiên hậu ta mới đạt tới thực trạng tư tưởng của tác giả, đạt tới đâu là ý nghĩa và giá trị của sự Đau khổ, đâu là thái độ cần có.

### **I. Ý nghĩa và giá trị của đau khổ**

Ý nghĩa và giá trị của sự Đau khổ? – Mà thật thế, Đau khổ không phải là một danh từ vô ích khi mà nó là một thực tại cũng già như nhân loại. Ấy thế mà rồi vì có này hay có khác, con người vẫn ít nhiều coi nhẹ thực tại đó.

1. Tố Như tuy không lớn tiếng rêu rao, song thật đã thâm cảm chân lý khởi đầu: *Bài học Đoạn trường phải là một bài học chủ quan, thực nghiệm* như mọi người Việt Nam ghi nhận trong câu:

#### *Đoạn trường ai có qua cầu mới hay*

Ý nghĩa của chân lý đã quá rõ. Phải có chính mình qua cầu Đoạn trường mới thấy sự Đau khổ là thấm thía như thế nào, quật ngã con người ra sao. Phải chính mình qua cầu Đoạn trường mới thấu hiểu những phản ứng vô thường từ cực cao đẹp đến cực xấu xa của người trong Đau khổ. Phải có qua cầu Đoạn trường mới hay cái cực hình của Đau khổ. Ngoại giả là mỹ ý suông không hoặc sai lệch tai hại.

Nhận như thế, chúng ta không lấy làm lạ nữa trước những cư xử của Thuý Kiều trong bao năm luân lạc từ bán mình chuộc cha đến đâm đầu xuống sông Tiền Đường tự tận: thất thân với Mã Giám Sinh, cúi lạy Tú bà, theo Sở Khanh, ra ở thanh lâu, chịu đòn để lấy Thúc Sinh, ăn cắp chuông vàng khánh bạc trốn khỏi nhà Hoạn Thư, xui Từ Hải ra hàng, chúc rượu Hồ Tôn Hiến bên xác chồng, v.v.

Nhận như thế, chúng ta mới hiểu nỗi đau nhục của tác giả, một người đã khởi quân chống Tây Sơn vì nhà Lê, để rồi lại ra làm quan với nhà Nguyễn; chúng ta mới thấy rõ cái "dơ dáy đại hình" của một thứ "hàng thần lơ láo" không xếp nổi chỗ ngồi cho mình trong phong trào mới. Ai muốn nói khôn cứ việc nói khôn, Tố Như hãy xin nói một câu chuyện kinh nghiệm, một câu chuyện thể tình của một người đã chứng kiến cái chết đập xác vào tường của mấy đứa trẻ thơ con quan tư đồ Diêu, cái nhục hình của thi hài Quang Trung bị giam và bị tán nhỏ bùng sông, cái cảnh sĩ phu Bắc Hà điệu từng đàn từ Thăng Long vào Thuận Hoá rồi lại điệu ra Thăng Long, cái chết của Ngô Thời Nhiệm dưới roi đòn thù của Đặng Trần Thường, v.v.

Điều đó có khác chi trường hợp của Cao Bá Nhạ trong *Tự tình khúc*. Người ta có thể khất khe lý thuyết mà trách cứ họ Cao: "Tại sao Cao không dám ngang nhiên chống đối chính quyền nhà Nguyễn, không dám ngang nhiên bạo động về sự suy sụp gần kề của ý thức hệ và tổ chức xã hội thời bấy giờ, khi mà ông còn lạ gì pháp luật thời đại, khi mà ông đã thấy rõ cái mệnh ngàn cân treo trên đầu sợi tóc? Được như thế có phải giá trị tư tưởng của khúc ca lên cao biết mấy không?". Tôi nghĩ rằng trách như thế, mặc dầu có phần hữu lý, người ta đã ở ngoài cầu Đoan trường vậy. Nếu như giá trị tư tưởng của khúc ca có bị sút kém vì thế, thì cũng chính vì thế mà giá trị ghi nhận tâm lý của khúc ca được trội lên. Ai trong chúng ta là chẳng có bản năng tự tồn? Tác giả đã nói đúng cái tâm lý quần quanh của một tên tử tù đơn độc cố bám lấy cái sống. Thêm nữa lại nên lưu ý rằng nạn nhân bám lấy cái sống không phải chỉ cho riêng mình như người "*Thiếu nữ cầm tù*" của André Chénie, mà còn vì hơn một lý lẽ khác mà lẽ trường tồn gia tộc quý giá của Đông phương là một. Tấn thảm kịch tư tưởng của Cao Bá Nhạ là ở chỗ: xuất thân từ cửa Khổng sân Trình, làm một nạn nhân cùng cực một chế độ chính trị và xã hội, ông muốn tìm một lối thoát cho tư tưởng hay ít nhất cũng cho tâm tưởng của mình mà không được, nên không còn biết làm gì hơn là bám lấy gốc nguồn để tự tạo cho mình một niềm an ủi mong manh.

Điều đó cũng có khác chi tấn thảm kịch của đại đa số loài người ngày nay sẵn đón bởi bao sức lực bạo tàn, ngồi ở một nơi mình không muốn, nhận những tội lỗi mình không làm, nói điều mình không tin, gục đầu trên hệ lụy áo cơm và sự sống, trong một cuộc khủng hoảng lương tâm mê mông, trong ám ảnh thường xuyên của bom đạn, hàng rào thép gai, đồn lũy, nhà tù, trại tập trung.

2. Ý nghĩa, - tôi muốn nói rõ hơn nữa, mỗi cảm thụ, - của Đau khổ phải là một ý nghĩa thật trải là như thế, và con người nhiều khi chỉ còn là một thứ đồ chơi trong bàn tay của Định mệnh. Nói như thế không có nghĩa là bảo sự đau khổ không có cái giá trị của nó. Thêm vào sự thật thứ nhất trên, chúng ta còn phải kể tới một sự thật khác: *giá trị đào luyện và làm cao cả con người của sự Đau khổ*. Tố Như không minh thị nói điều này trong tác phẩm của tiên sinh, song lý ưng phải là như thế. Hơn nữa đây cũng là một chân lý phổ biến không lạ gì đối với tiên sinh.

Chúng ta hãy tự hỏi: Giá trị của Thuý Kiều chúng tỏ làm sao nếu không có mười lăm năm luân lạc? Dầu chẳng cực đoan như Chu Mạnh Trinh nói: "Thì sao còn tỏ được là người thực nữ mà đủ đường hiểu nghĩa, tay đàn bà mà lại có cơ quyền", chúng ta cũng phải nhận rằng mỗi từ tâm rộng lớn của Thuý Kiều, thái độ nhẫn nhục của nàng trong cơn đương đầu với lưu lạc, việc nàng dám chọn cái chết ở sông Tiền Đường để rồi lại trở về sum họp với Kim Trọng khi mà thâm tâm nghĩ "còn tình đâu nữa, là thù đấy thôi"... phần lớn là do bài học Đoan trường vậy.

Lại nữa, giá trị rung cảm của thi phẩm của Tố Như ở đâu mà ra, nếu không là ở chuỗi thống khổ dài của nàng Kiều? Người xưa nói: Nước sông Tiền Đường đã rửa oan cho Thuý Kiều. Chúng ta phải hiểu rằng: Nước sông đó đã "gạn đục, khơi trong" cho nàng. Hay rõ hơn: Cái chết của Thuý Kiều, - hay là nỗi thống khổ cùng cực của nàng cũng thế, - đã làm nàng sạch mọi tội lỗi ở cõi đời này, và bên kia nắm mồ sâu tất cả phải là im lặng.

Tại sao chúng ta lại cứ muốn điều đặc biệt? Đã nói Tố Như tử xin thuận tình đặt vấn đề trên bình diện thể tình. Tại sao chúng ta lại muốn bắt Thuý Kiều phải làm những điều mà đa số thế nhân không làm được, kể cả nhiệt độ tình yêu qua thời gian của nàng đối với Kim Trọng? Triết gia Edgar Quinet đã nói: "Tâm hồn con người cũng cùn nhụt với tuổi sống" (*Les âmes s'émeoussent en vivant*). Thi hào Victor Hugo cũng khai triển một luận đề tương tự trong bài *Đêm đại dương* (*Nuit d'océan*): "Sự lãng quên cũng là nhân đạo".

Sẽ thừa chẳng khi nói tới thái độ sống nhẫn nhục của Nguyễn Du trong phong ba lịch sử thời tiên sinh. Giá trị của Tố Như chính là giá trị của tấn thảm kịch nội tâm của tiên sinh vậy. Và về điểm này, chúng ta có thể so sánh Nguyễn Du với nhà đại thi hào của Đau khổ nước Đức cùng thế kỷ: Goethe.

Người ta cũng từng đã nói nhiều về giá trị đào luyện con người của sự Đau khổ. Tư tưởng Nho giáo, Phật giáo, văn học Tây phương đầy dẫy nhận định này. Nho giáo, cảnh cáo con người trên trường hành động về những thử thách cam go của cuộc đời. Phật giáo có cả một triết lý hùng hậu về sự khổ. Tây phương có câu: Người ta là một kẻ tập việc và sự đau khổ là ông thầy dạy việc (L'homme est un apprenti et la douleur son maitre). Thời đại mới của chúng ta cũng tung ra khẩu hiệu: Nhà tù là lò huấn luyện của cách mạng. Về điều Đau khổ làm cho con người thêm cao cả, hãy chỉ xin kể thơ của Alfred de Musset:

*Không gì làm cao cả con người bằng một mối thống khổ lớn lao* <sup>[2]</sup>.

hoặc:

*Khúc đoạ trường là những khúc ca hay nhất*

*Và tôi biết có những khúc ca bất hủ chỉ là những tiếng thỏn thức đơn thuần* <sup>[3]</sup>.

## II. Thái độ cần có trước đau khổ

Phần trên đã xét về ý nghĩa và giá trị của sự Đau khổ. Nhận chân hai điều đó, Tố Như đã nghĩ gì về một thái độ của con người trước sự Đau khổ? Đây mới là phần "trên" phần xây dựng trong Triết lý Đoạn trường của tác giả.

**1. Trước hết là thái độ đối với sự đau khổ của chính mình, đối với cuộc đời, đối với Định mệnh.** Xưa kia, các tác giả Đông Tây nói tới Định mệnh, ngày nay thêm những nhận thức mới người ta nói tới "Thân phận con người". Đặt vấn đề Định mệnh là đặt vấn đề cá nhân, mà đặt vấn đề Thân phận con người là đặt vấn đề tập thể rộng lớn. Ý nghĩa của hai điều hầu như rút về một. Là Định mệnh hay Thân phận con người thì đó cũng là một thực thể nhiều khi ở trong một cái vòng phi lý mà người đời phải nhận. Nhận rồi, con người chỉ còn có một lối cư xử là lợi dụng sự Đau khổ cho mình và cho đời. Chúng ta đã nói tới thái độ của Thuý Kiều trong cơn thống khổ. Nàng như đã tự sửa soạn đón nhận sự Đau khổ. Do đó Đoạn trường cũng hầu như không quật ngã được trọn vẹn người con gái đó. Cả cuộc đời nàng là một cái gương cứng lại với Định mệnh. Trong cuộc phân tranh này con người được hay thua còn tùy keo, tùy điều kiện. Sự thất bại không hẳn là một điều nhục. Thiệt chí tranh đấu còn đáng kể hơn kết quả của tranh đấu. Như vậy không phải là một thái độ tiêu cực nhất đáng phải gạt bỏ như mấy nhà đạo đức kim thời hẹp hòi chủ trương. Tục ngữ ta có câu: "Còn nước còn tát". Ông thầy chữa bệnh gắng gổ tới phút cuối cùng. Người dân quê Việt Nam vẫn cứ cấy cày mặc dầu trông thấy một thiên tai gần kề.

Trầm lặng nhận cuộc thử thách rồi, chúng ta chọn phương tiện tranh đấu thế nào? Với kinh nghiệm muôn đời của thế nhân, Tố Như bảo: Hãy lấy cái "tâm" hơn là cái "trí". Sở dĩ phải chọn cái tâm làm phương tiện đấu tranh chính yếu trước, vì giá trị tự tại của cái tâm, mà sau còn vì lòng tin ở điều có thể "lấy tâm để sửa mệnh" trong khuôn khổ triết lý hằng cửu của dân tộc: Triết lý có Trời. Đến đây chúng ta tiến tới điểm tế nhị nhất trong triết lý đoạn trường của Nguyễn Du, và cũng là điểm tế nhị nhất trong tín ngưỡng của người Việt Nam: Định mệnh có hay không, Trời có hay không, không phải là vấn đề tìm hiểu hay chứng minh; vấn đề là ở chỗ tìm một thái độ đối với một thực tại đã hầu như thường xuyên. Trong một bài viết cũng trong tờ *Sáng tạo*, tôi đã có dịp nghĩ rằng đó cũng là một "quan niệm rất *hiền triết*" của người Việt Nam về tôn giáo, về cuộc đời.

Tuy nhiên, thái độ của Tố Như đối với sự Đau khổ ở đời cũng có những sắc thái riêng cần phân biệt. Tất nhiên đó không phải là chủ trương sống vô vi thanh tịnh kiểu Lão Trang, sống hồn nhiên như tạo vật tránh nhíp bạo tàn của định luật tang thương của bà Huyện Thanh Quan, xuất thế kiểu tiểu thừa của Phật phái, - việc đi tu của nàng Kiều chỉ là một việc chẳng được đừng. Đó cũng không hẳn là chủ trương nhập thế kiểu Đại thừa. Tố Như phàm trần hơn, nghĩ rằng một sự cứu vớt hợp lý phải bắt đầu bằng cụ cứu vớt chính mình tỉ như luân lý thực tiễn của phương Tây nói: Lòng nhân từ xếp đặt đúng phải bắt đầu từ chính mình. Đó cũng không phải là những phản ứng tâm lý hồn nhiên, bướng bỉnh hay bừa bãi kiểu Hồ Xuân Hương. Vấn đề của Tố Như vừa đặt trên lĩnh vực *tâm* vừa trên lĩnh vực *ý*. Đặt trên lĩnh vực *ý* thức nó nhắc nhở tới chủ trương võ sĩ đạo của Nhật Bản hay chủ trương của Corneille hay chủ trương "khắc kỷ" (Stoïcisme) của Tây phương xưa mà nhà thơ Alfred de Vigny còn ca ngợi trong bài *Cái chết của con chó sói*:

*Than khóc, cầu xin đều hèn cả.  
Hãy quyết tâm làm tròn nhiệm vụ nặng nề và lâu dài.  
Trên con đường mà số phận đã gọi người,  
Rồi sau đó, như ta, đau khổ và nhắm mắt không nói năng* <sup>[4]</sup>.

Nhưng chủ trương "khắc kỷ" trên đây lại chỉ đặt trên cơ sở của lý trí mà thôi. Đặt trên lĩnh vực *tâm*, thái độ của Tố Như còn rộng rãi và "nhân tính" hơn thế. Lấy cái tâm để sửa mệnh chỉ là điều đến sau của một "lối xử trí bằng cả tấm lòng" của một "thái độ sống tận tình với cuộc sống" như một nhà thơ hoạt động của ta ca ngợi trong câu:

*Phải sống đến vong tình,  
Không bao giờ tàn lụi!*

Nói tới phản ứng ý thức, chúng ta cũng không nên vội cho rằng Nguyễn Du muốn đặt ra một vấn đề xã hội như cái bệnh của một số nhà phê bình thời nay ưa tìm kiếm hay đề cao. Tố Như còn rộng hơn thế, đặt vấn đề trong *phạm vi nhân bản* <sup>[5]</sup>. Hiểu như vậy tiếng than khóc trong *Đoạn trường tân thanh* không còn ý nghĩa kháng đối cái xã hội gọi là phong kiến Trung Hoa đời Minh, hay cái xã hội Việt Nam đầu nhà Nguyễn. Trong những nét thiên nhiên rộng lớn của nhà thơ thì hai cái xã hội đó cũng giống như một xã hội thời xưa nào đó, một xã hội thời nay nào đó, xã hội nhân loại trong những nét muôn thuở của nó, xã hội trong đó thân phận con người rủi ro chỉ là:

*Phận bèo bao quản nước sa,  
Lênh đênh đâu nữa cũng là lênh đênh.*

hay là:

*Thân lươn bao quản lấm đầu.  
và cô độc trong trường đời, người ta hãy cốt yếu là trong cậy vào chính mình:  
Biết duyên mình biết phận mình thế thôi.*

Ta không nên bi quan mà cũng chẳng nên lãng quên đối với người đời. Nhân quần chẳng tốt mà cũng chẳng xấu:

*Nơi thì lừa đảo, nơi thì xót thương.*

**2.** Nhận định đặc tính và khả năng của con người như trên, Tố Như cũng không đòi hỏi nhiều ở *thái độ của chúng ta đối với sự Đau khổ của kẻ khác*.

Đã biết "cánh hoa rụng chọn gì đất sạch", con người "tay không đâu dễ tìm vành ấm no", với bao phản ứng, vô thường trong đau khổ, thái độ mà nhà thơ này xin ở người đời đối với những nỗi đoạn trường của kẻ khác là khởi từ *tâm*, là một *tấm tình thương* vậy. Đó cũng là thái độ của

mụ Quàn gia, vãi Giác Duyên, sư Tam Hợp của tác giả và bao người sau tiên sinh đối với Thuý Kiều. Tình thương làm nên tất cả. Tình thương hàn gắn đoạn trường của người đau khổ. Và biết đâu tình thương một ngày kia lại không tiêu diệt được đoạn trường ở cõi đời? Hãy đến với kẻ đau khổ như chính mình đã qua cầu đau khổ vậy.

Xuống một bậc, giả thử chúng ta chưa trang bị nổi cho mình một tình thương cao đẹp, chúng ta hãy đến với đau khổ của nhân gian bằng một đầu óc hiểu biết. Đó là một điều công bằng. Và đó cũng là một thái độ khôn ngoan: biết đâu một ngày kia chúng ta lại không bị đẩy tới chân cầu đoạn trường khi mà:

*Cái điều bạc mệnh có chữa ai đâu?*

Xuống một bậc nữa, thái độ đối với Đoạn trường của kẻ khác tối thiểu cũng phải là một thái độ thành kính, tỉ như người ta thành kính trước Trời Phật mà người ta có thể không hiểu, trong một giáo đường mà người ta có thể chẳng có lòng tin. Đó cũng là một thái độ xứng đáng. Tất cả những điều đó gồm lại trong thái độ mà nhà thơ gọi là "khấp Tố Như".

\*

Triết lý đoạn trường của Nguyễn Du là thế. Tôi nghĩ rằng vấn đề tư tưởng của nhà thơ cũng khởi đầu từ đó và không đi xa nhiều lắm.

*Đoạn trường tân thanh* là tiếng kêu cầu cứu, là tiếng kêu báo động vì một tấn thảm kịch ngạt chìm sau cái vẻ ngoài hiền lành và trầm lặng của câu chuyện, cũng hiền lành và trầm lặng như nếp sống của tác giả, như nếp sống của dân tộc. Giá trị của tấn thảm kịch này cũng là giá trị của con người, giá trị của triết lý đoạn trường của Tố Như. Thêm nữa, nói về rung cảm, giá trị rung cảm của *Đoạn trường tân thanh* lại cũng nhờ ở tấn thảm kịch nội tâm của tác giả và của nhân vật chính hơn là ở câu chuyện tầm thường của Thanh Tâm Tài Nhân.

Tấn thảm kịch đó cũng chẳng khác mấy tấn thảm kịch của đa số chúng ta ngày nay và còn kéo dài không biết đến bao giờ nữa: tấn thảm kịch của con người, của nhân loại chia từ trong nội tâm của chính mình trở đi. Tấn thảm kịch tầm thường có lẽ, - cũng tầm thường như tấn thảm kịch trầm lặng muôn đời của người Việt Nam, - mà thanh niên suy nghĩ ngày nay cũng không phải là không có lý do lên án! *Nhưng mà đặt trong chiều đo của thế nhân vĩnh cửu, giải pháp đòi hỏi của nó là một giải pháp cho lâu dài.*

Muốn bay cao Tố Như đã miệt mài đi trong cái thấp, muốn một điều Tuyệt đối tiên sinh thuận tình tự giam trong cái Tương đối, thực hiện cái mà bất luận một người nào tầm thường đến đâu trong xã hội Đông phương xưa cũng ý thức được là sự thái hoà giữa con người và vũ trụ.

Cho nên với *phép nhiệm màu của ngôn ngữ thi ca* mà không ai chối nhận nơi tác phẩm của Tố Như, trong cái thời hiện đại mà chỉ trong vòng chia tư thế kỷ các lý thuyết âm ĩ nhất đua nhau nằm xuống, *Đoạn trường tân thanh* của Nguyễn Du trường tồn bởi vì *nếu có một cái gì trường tồn trong cái thế giới điên loạn này thì đó phải là "những trang văn chương thật thà nhân sự".*

## Bàn về bút hiệu của Nguyễn Du Phạm Trọng Chánh

Nguyễn Du có những bút hiệu gì? Và ý nghĩa các bút hiệu ấy như thế nào?

Trước nhất Nguyễn Du có bút hiệu Thanh Hiên ký rõ ràng trên Thanh Hiên thi tập. Thanh do chữ Thanh Liên là bút hiệu thi hào Lý Bạch quê làng Thanh Liên.



Hiên là chữ thường dùng trong gia đình Nguyễn Du, cha, cụ Nguyễn Nghiễm lấy bút hiệu Nghị Hiên, anh Nguyễn Nể (hay Đề) lấy bút hiệu là Quế Hiên.

Nguyễn Hành trong Minh Quyên Phả bài Ca tụng việc đi săn có nhắc đến bút hiệu Phi Tử của Nguyễn Du.:

Phi Tử cười đáp: Phi Tử có điển tích là người xứ Phù Khưu, thời Chiến quốc nuôi ngựa và dâng ngựa cho Vua Chu Hiếu Vương nên được phong chức Phụ Dung (nước phụ của chư hầu). (Xem Thành ngữ Điển tích của Diên Hương.). Việc này ứng với sự kiện năm 1802, Nguyễn Du từ Quỳnh Hải dẫn thủ hạ đem dâng lương thực, bò ngựa cho Vua Gia Long gặp tại huyện Phù Dung trấn Sơn Nam, Nguyễn Du được phong chức tri huyện tại nơi đây. Có lẽ từ đó Nguyễn Du có bút hiệu Phi Tử.

Từ khi tìm ra Lưu Hương Ký của Hồ Xuân Hương: chúng ta tìm thấy những tên lạ làm tựa các bài thơ tặng Hồ Xuân Hương : Thạch Đình (Thạch Đình tặng) Thanh Liên (Họa Thanh Liên nguyên vận). Chí Hiên : Chí Hiên tặng (hai bài thơ).

Bài Thạch Đình tặng, theo tôi nguyên là Thạch Đình tặng biệt, đó là bài thơ nôm của Nguyễn Du làm tại đình đá sông Vị Hoàng, Nam Định, nơi đây là bến biển có gió bão nên xây đình tiền biệt bằng đá kiên cố.

Nơi đây Hồ Xuân Hương tiễn Nguyễn Du năm 1794 về Hà Tĩnh để xây dựng lại từ đường, đình chùa, cầu Tiên làng Tiên Điền bị đốt phá tướng Tây Sơn Lê Văn Dụ nhân vụ khởi nghĩa chống Tây Sơn của Nguyễn Quýnh.. Nguyễn Nể sau khi đi sứ Tây Sơn sang Thanh về, và ba năm làm quan Bắc Hà, nay được Vua Quang Trung triệu vào Phú Xuân phong chức Đông Các học sĩ. Nguyễn Nể bận việc quan không thể trực tiếp trông coi, nên giao việc này cho hai em là Nguyễn Du và Nguyễn Ước, nhất là Nguyễn Ước có tài kiến trúc, về sau cung điện, thành quách kinh đô Huế đời Gia Long, Minh Mạng đều do Nguyễn Ước vẽ kiểu và chỉ huy xây dựng.

Bài họa Thanh Liên nguyên vận là bài thơ của Hồ Xuân Hương đáp lại bài thơ của Nguyễn Du: Thạch Đình Tặng biệt. Có điều Thanh Liên là bút hiệu thi hào Lý Bạch, có lẽ nào Nguyễn Du hay Hồ Xuân Hương không biết tới mà lấy bút hiệu Lý Bạch làm bút hiệu mình, tôi ngờ rằng đó là Thanh Hiên viết thành Thanh Liên, hay Nguyễn Du mang bút hiệu đôi: Thanh Liên Chí Hiên. Bút hiệu Chí Hiên, Nguyễn Du ký trên hai bài thơ viết năm 1796, sau khi toan vượt biên vào Nam theo Nguyễn Ánh, bị quận Công Nguyễn Thận, trấn thủ Hà Tĩnh bắt giam ba tháng, ra tù ban đêm Nguyễn Du trốn ra Thăng Long, đến nơi thì hay tin mẹ Hồ Xuân Hương đã gả nàng cho anh thầy lang xóm Tây làng Nghi Tàm. Nguyễn Du viết hai bài thơ oán trách nàng tệ bạc ham giàu sang đi lấy chồng, nàng có mắt nàng hãy xem ta làm nên sự nghiệp với nước non..

Sau đó Nguyễn Du về ở nhà Đoàn Nguyễn Tuấn và được Đoàn gả em gái, từ đó Nguyễn Du về Quỳnh Hải năm 30 tuổi chấm dứt cuộc đời Mười năm gió bụi. Bút hiệu Chí Hiên theo tôi Nguyễn Du có từ năm 1787 khi trở thành nhà sư, đi từ chùa này sang chùa khác: Giang Bắc Giang Nam cái túi không. Hành trang bên mình là bản Kinh Kim Cương Chú giải của Lê Quý Đôn, nên đọc tụng ngàn lượt tức ba năm, và đội mũ vàng nhà sư: Muốn dặm mũ vàng chiều nắng xế, đi 5000km từ Vân Nam, lên Trường An và qua Hàng Châu, đến điểm hẹn Miếu Nhạc Phi (viết 5 bài thơ) và ngụ tại chùa Hồ Pháo nơi Từ Hải từng tu hành trước khi thành cướp biển, nơi đây Nguyễn Du có được Kim Vân Kiều Truyện của Thanh Tâm Tài Nhân. Chí lấy từ Pháp danh Chí Thiện Thiền sư rất nổi danh thời Vua Càn Long, chương môn phái Thiếu Lâm Tự. Và chữ Hiên của gia đình.

Còn chữ Tố Như, chỉ xuất hiện trên bài Đọc Tiểu Thanh Ký, Nguyễn Du viết năm 1804 lúc làm

tri phủ Thường Tín, vợ mất, Nguyễn Du tìm về Cổ Nguyệt Đường mong gặp Hồ Xuân Hương.,  
nói lại duyên xưa.

Đến nơi thì Hồ Xuân Hương trong cơn tao loạn Triều Tây Sơn sụp đổ đã lấy lẽ Cai Tổng Cóc  
Nguyễn Công Hoà tại Vĩnh Yên, vợ cả ghen tuông, nàng đang đau ốm. Xót thương nàng thân  
phận một Tiểu Thanh ba trăm năm lẻ sau, Nguyễn Du đứng bên song cửa viết bài thơ gửi  
nàng.

Tôi dịch như sau:

Tây Hồ vườn cảnh đã hoang vu,  
Bên cửa viếng nàng một áng thơ.  
Son phấn có thần chôn vẫn hận,  
Văn chương vô mệnh cháy còn dư,  
Mối hờn kim cổ trời khôn hỏi,  
Cái án phong lưu khách lụy sâu.  
Ba trăm năm nữa trong thiên hạ,  
Còn nàng ai khóc một niềm đau.

Hai chữ tố như tra tự điển Thiều Chửu: Tố là *tơ trắng*, là người phẩm hạnh cao quý. Như: *là  
như thế như vậy*.

Do đó hai câu cuối *Bách tri tam bách dư niên hận, Thiên hạ hà nhân khấp tố như* có nghĩa là  
Không biết rồi đây ba trăm năm lẻ nữa, ai khóc người đẹp tài sắc như nàng Tiểu Thanh. Cách  
hiểu này giải thích được, định nghĩa hai chữ tố như, thời điểm sáng tác bài thơ năm 1804 và  
đáp ứng được bài họa của Hồ Xuân Hương..

Trong khi cách giải thích tố như là bút hiệu đầy phi lý: Nguyễn Du lúc ấy mới 37 tuổi mới ra làm  
quan việc gì mà tru tréo ai khóc mình, lẽ nào Nguyễn Du sánh mình với một cô gái 18 tuổi lấy  
lẽ, nếu cần Nguyễn Du sẽ hỏi Ngàn năm sau ai nhớ đến ta, nhưng điều này trái ngược với  
phong cách Nguyễn Du trong các bài đi săn chẳng cần danh vọng hảo huyền.

### Chơi Hồ Tây nhớ bạn

Phong cảnh Tây Hồ chẳng khác xưa,  
Người đồng châu trước biết bao giờ.  
Nhật Tân đề lờ nhưng còn lối  
Trần Quốc rêu phong vẫn ngấn thơ.  
Nọ vục Trâu vàng trắng lạc bóng,  
Kìa non Phụng Đất khói tuôn mờ.  
Hồ kia thăm thẳm sâu dường mấy  
So dạ hoài nhân dễ chửa vừa.

Thế thơ Nguyễn Nễ, Nguyễn Hành, Đoàn Nguyễn Tuấn, nhắc đến Tố Như nghĩa là thế nào ?  
Năm 1920. Trường Viễn Đông Bác Cổ mượn người sao chép các văn bản thơ cổ, người chép  
mượn, ngay cả con cháu đời sau không hiểu chuyện tình Nguyễn Du Hồ Xuân Hương nên gán  
bừa Tố Như là bút hiệu, gia phả nhầm lẫn, người chép đời sau thấy chỗ nào nghĩ là thơ viết  
cho Nguyễn Du cứ gán cho hai chữ Tố Như vào.

Ví dụ ngày xưa anh em không bao giờ gọi nhau bằng bút hiệu, hay tên tự. Nguyễn Du viết cho  
Nguyễn Nễ chỉ viết Ưc Gia Huynh, viết cho em Nguyễn Ưc chỉ đề Ngô Gia Đệ. Nguyễn Nễ viết  
cho em cũng thế. Hoài Đệ, người đời sau thêm thành Hoài Tố Như đệ. Câu Gia đệ hà xử trú

được đổi thành Tố Như hà xứ trú.. Bài Ký đồng hoài đệ thành Ký đồng hoài Thanh Hiên Tố Như đệ. Xưa nay chẳng ai ghi hai bút hiệu cùng một lúc.

Thơ Nguyễn Hành, nguyên tác Thúc Phi Tử (Chú Phi Tử) được đổi thành Tố Như Tử, chẳng còn chú cháu nữa, lần thứ nhất đổi Phi Tử ra Tố Như, lần thứ hai cũng đổi, nhưng lần thứ ba lại để sót bút hiệu Phi Tử...

Thế gia phải chép tên tự Tố Như là thế nào ?

Các bản gia phả hiện nay đều chép từ đầu thế kỷ 20, không có một bản gia phả nào bút tích của cụ Nguyễn Nghiễm cả, gia phả chép đầy những lầm lẫn như: Lê Quý Kỳ sự của Nguyễn Thu, Sứ thần đời Tự Đức chép ra Nguyễn Du, Đoàn Nguyễn Tuấn năm 1789 ra làm quan Tây Sơn, thì gia phả chép ông hợp cùng Nguyễn Du chống Tây Sơn.

Mười năm gió bụi Nguyễn Du đi giang hồ không nhà không cửa thì lại chép Nguyễn Du về quê vợ. Nguyễn Du từ Quỳnh Hải ra đón Vua Gia Long thì lại chép từ Hà Tĩnh dẫn thủ hạ dâng sớ, quân lương. Nguyễn Du hoàn toàn theo Nguyễn Ánh thì chép ông có tâm sự hoài Lê. Như thế thì còn tin gia phả đoạn nào.

May mắn thay Nguyễn Du có ba tập thơ chữ Hán là ba tập nhật ký ghi rõ từng nơi đến với đầy đủ tâm sự. Sắp xếp các bài thơ theo ngày tháng, hoàn cảnh chính trị đương thời ta có được một tiểu sử Nguyễn Du hoàn chỉnh đó là công việc tôi làm trong: Nguyễn Du mười năm gió bụi và mối tình Hồ Xuân Hương Nguyễn Du.

*Khuê Văn Xuất bản tại Paris. Liên lạc phamtrongchanh@free.fr.*

*Bài viết này trả lời cho Alexandre Lê báo Diễn Đàn Paris; GS Nguyễn Ngọc Bích Hợp Lưu, Hoa Kỳ và GSTS Mai Quốc Liên trên Hồn Việt. Về bút hiệu Tố Như.*

## Nguyễn Du và Hồ Xuân Hương Nguyễn Hưng Quốc

Đọc thơ chữ Hán của Nguyễn Du, tôi nghĩ đến Nguyễn Khuyến. Và cũng nghĩ đến một người khác nữa: Hồ Xuân Hương.

Nguyễn Du được xem là ông Hoàng của thơ Việt Nam, còn Hồ Xuân Hương lại được tôn vinh là “bà Chúa thơ Nôm”. Giữa “ông hoàng” và “bà chúa” dường như có một điểm chung: mối tình kéo dài ba năm.

Trước khi nói về mối tình của họ, xin nói một chút về Hồ Xuân Hương. Cho đến nay, hầu như giới phê bình và nghiên cứu đều đồng ý với nhau một điểm: Đó là một trong những nhà thơ xuất sắc nhất và cũng là nhà thơ độc đáo nhất của Việt Nam. Về điểm thứ nhất, tôi rất tâm đắc với bảng xếp hạng của Xuân Diệu: *Nguyễn Trãi, Đoàn Thị Điểm (nếu bà thực sự là tác giả của bản dịch Chinh phụ ngâm hiện hành), Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương và Tú Xương là năm nhà thơ lớn nhất trong văn học cổ điển Việt Nam*. Về điểm thứ hai, cũng đã có nhiều người nhấn mạnh: với những bài thơ Nôm còn lại hiện nay, Hồ Xuân Hương là một hiện tượng vô tiền khoáng hậu trong lịch sử Việt Nam. Hồ Xuân Hương có thể không bằng Nguyễn Du ở sự bát ngát trong tâm tình, sự lộng lẫy và đa dạng của bút pháp, đặc biệt, Hồ Xuân Hương không có một tác phẩm nào đồ sộ, nguy nga có thể sánh được với Truyện Kiều của Nguyễn Du. Nhưng mặt khác, Hồ Xuân Hương lại độc đáo hơn Nguyễn Du. Độc đáo hơn vì cá tính mạnh mẽ hơn, phong cách sắc sảo hơn, ngôn ngữ dữ dội hơn.

Nguyễn Du là người đi đến tận cùng nỗi đoạn trường chung của nhân loại. Hồ Xuân Hương là người đi đến tận cùng màu sắc riêng tây trong một con người. Nguyễn Du là đóa hoa đẹp nhất trong các loài hoa. Hồ Xuân Hương là đóa hoa lạ nhất trong các loài hoa. Chung quanh Nguyễn Du, châu tuần nhiều nhà thơ khác, gần gũi ở nhiều khía cạnh, tuy mức độ tài hoa có thể ít hơn. Chung quanh Hồ Xuân Hương hầu như không có ai cả. Nguyễn Du cao ngất mà không lẻ loi. Hồ Xuân Hương, ngược lại, là một hiện hữu dị thường, một mình chiếm riêng một góc trời.

Nhưng nhà thơ được xem là độc đáo nhất của Việt Nam ấy lại là một hiện tượng vô cùng phức tạp. Phức tạp, trước hết, là về tư liệu. Trước, người ta không biết gì về bà. Đến độ nhiều người nêu lên giả thuyết: bà không có thật. Tên của bà chỉ là một cái tên giả của một hay một số nhà thơ nam tính nghịch nào đó. Sau, người ta tìm ra khá nhiều tài liệu về bà. Nhưng những tài liệu ấy lại mâu thuẫn với nhau đến độ nếu tin vào chúng, chúng ta sẽ có không phải một mà là hai hay ba nhà thơ mang tên Hồ Xuân Hương khác nhau. Hoàn toàn khác nhau.

Trong các khám phá liên quan đến Hồ Xuân Hương, quan trọng nhất là việc phát hiện tập thơ *Lưu Hương Ký* vào năm 1963. Tập thơ gồm 52 bài: 24 bài chữ Hán và 28 bài chữ Nôm. Đặc biệt, trong tập thơ có một bài tựa viết năm 1814 của một người có biệt hiệu là Tồn Phong, người Nghệ An. Trong bài tựa, Tồn Phong tự nhận mình là bạn của Hồ Xuân Hương, tự Cổ Nguyệt Đường, con cháu họ Hồ ở Quỳnh Lưu, Nghệ An. Chính Hồ Xuân Hương đã nhờ ông viết lời tựa ấy: “Đây là tất cả thơ văn trong đời tôi từ trước đến nay, nhờ anh làm cho bài tựa.”

Xuất hiện vào năm 1814, đó là văn bản cổ nhất và cũng đáng tin nhất liên quan đến thơ Hồ Xuân Hương. Trước khi tập *Lưu Hương Ký* được phát hiện, toàn bộ những bài thơ Nôm được truyền tụng lâu nay đều chỉ được lưu hành trong dân gian trong cả một thế kỷ. Chúng chỉ được sưu tập và in thành sách vào năm 1913 (nhà xuất bản Xuân Lan).

Tuy nhiên, ở đây lại xuất hiện một số vấn đề: một, không có bài thơ nào trong tập *Lưu Hương Ký* năm 1814 và Thơ Hồ Xuân Hương năm 1913 trùng nhau cả; hai, phong cách và giá trị của hai tập thơ cũng khác hẳn nhau: thơ trong cuốn sách in năm 1913 vốn chứa đựng các bài thơ được truyền tụng rộng rãi lâu nay sắc sảo và độc đáo bao nhiêu, thơ trong *Lưu Hương Ký* lại hiền lành và bình thường bấy nhiêu.

Trước hai hiện tượng trên, chúng ta có thể có ba giả thuyết chính:

1. Có hai Hồ Xuân Hương khác nhau. Tạm gọi là HXH1, tác giả của các bài thơ được truyền tụng rộng rãi lâu nay, và HXH2, tác giả của tập *Lưu Hương Ký* do Tồn Phong viết lời tựa. Một số nhà nghiên cứu không quyết liệt đến mức xem HXH1 và HXH2 là hai người khác nhau, nhưng, khi phê bình, họ tạm loại trừ HXH2 ra khỏi phạm vi phân tích và đánh giá. Họ chỉ tập trung vào HXH1 với những bài thơ họ cho là thực sự xuất sắc.
2. Có một Hồ Xuân Hương thật và một Hồ Xuân Hương giả. HXH2 là Hồ Xuân Hương thật, có văn bản đáng hoàng và khả tín; còn HXH1, tức tác giả của những bài thơ nổi tiếng trong quần chúng lâu nay, từ “Khóc Tổng Cóc” và “Khóc ông phủ Vĩnh Tường” đến “Làm lẽ”, “Không chồng mà chữa”, “Bánh trôi nước”, “Quả mít”, v.v... là Hồ Xuân Hương giả. Giả ở đây được hiểu theo nghĩa là: Đó chỉ là biệt hiệu được dựng lên để che giấu tông tích của một người thật, có thể là một hay một nhóm nhà nho nghịch ngợm nào đó. Họ làm thơ để cợt nhả, nhưng, dưới áp lực nặng nề của dư luận thời phong kiến, phải ngụy trang dưới một cái tên bịa là Hồ Xuân Hương. Nhưng Hồ Xuân Hương này lại không dính líu gì đến Hồ Xuân Hương, tác giả của *Lưu Hương Ký* và là bạn của Tồn Phong.
3. Cả HXH1 và HXH2 chỉ là một. Tuy nhiên, nhóm này, có hai khuynh hướng khác nhau:

3.1. Chỉ có những bài thơ trong Lưu Hương Ký là thực sự của Hồ Xuân Hương. Còn những bài thơ tương truyền của HXH1, trải qua trên dưới một thế kỷ truyền miệng, đã ít nhiều bị/được dân gian hóa. Giống như ca dao. Điều này giải thích tại sao chúng không còn giống hẳn với phong cách của những bài thơ trong Lưu Hương Ký. (Đó là chưa kể nhiều bài thơ bị gán đại cho Hồ Xuân Hương.)

3.2. Xem tất cả những bài thơ được truyền tụng lâu nay và những bài thơ trong Lưu Hương Ký là của một tác giả. Không chút thắc mắc nào cả. Khuynh hướng này có chút ngây thơ. Nhưng đó là cách dễ dàng nhất. Bởi vậy, có vẻ càng ngày càng có nhiều người chấp nhận. Trong phạm vi một bài viết ngắn để đăng trên blog, tôi không có tham vọng đi sâu vào các vấn đề nêu trên. Và lại, thành thực mà nói, bản thân tôi cũng còn hết sức phân vân. Tôi biết, trên thế giới, không ít người từng thử nghiệm nhiều phong cách khác nhau. Tuy nhiên, điều ấy chưa từng xảy ra ở Việt Nam, nhất là ở thời Trung Đại, lúc ngay cả ý niệm về cái gọi là phong cách cũng chưa hề xuất hiện. Tất cả những cái gọi là phong cách của các tác giả cổ điển Việt Nam đều có tính chất tự phát. Đã là tự phát thì cũng không thể có vấn đề ngụy trang.

Bởi vậy, ở đây, khi nói đến mối tình giữa Nguyễn Du và Hồ Xuân Hương, chúng ta tạm giới hạn vào HXH2, tác giả của Lưu Hương Ký (và một số bài thơ vịnh Hạ Long do Hoàng Xuân Hãn sưu tầm được).

Đó là một mối tình có thật chứ không phải là giai thoại. Bằng chứng là một bài thơ có nhan đề “*Cảm cựu kiêm trình Cần Chánh học sĩ Nguyễn Hầu*”, trong tập Lưu Hương Ký. Bài thơ như sau:

Dặm khách muôn nghìn nỗi nhớ nhung,  
Cậy ai tới đấy gửi cho cùng.  
Chữ tình chốc đã ba năm vẹn,  
Giấc mộng rồi ra nửa khắc không.  
Xe ngựa trộm mừng duyên tấp nập,  
Phấn son càng tủi phận long đong.  
Biết còn mấy chút sương siu mấy  
Lầu nguyệt năm canh chiếc bóng chong.

Nhan đề bài thơ nghĩa là “Nhớ người cũ – viết gửi Cần chánh học sĩ Nguyễn hầu”. Xin lưu ý là, trong nguyên tác, ngay dưới nhan đề là một tiểu chú: “Hầu, Nghi Xuân, Tiên Điền nhân” (Hầu, người làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân). Cả hai đều cho thấy cái người được gọi là “Nguyễn hầu” ấy không thể là ai khác ngoài Nguyễn Du. Thứ nhất, trùng họ: họ Nguyễn. Thứ hai, trùng quê quán: Nguyễn Du quê quán ở Tiên Điền, Nghi Xuân. Và thứ ba, trùng chức vụ: tháng 2 năm 1813, lúc đang làm Cai Bạ Quảng Bình, Nguyễn Du được thăng chức Cần chánh điện học sĩ, trước khi được cử làm chánh sứ đi Trung Quốc tuế cống.

Dựa vào nhan đề liên quan đến chức vụ của Nguyễn Du, người ta có thể biết bài thơ được sáng tác vào năm 1813, một năm trước khi Hồ Xuân Hương nhờ Tôn Phong viết lời tựa. Nhưng như vậy, mối tình kéo dài “ba năm vẹn” giữa hai người xảy ra vào lúc nào? Hoàng Xuân Hãn đoán nó phải xảy ra vào khoảng 1792-1795, lúc Nguyễn Du còn khá trẻ, khoảng dưới 30 tuổi. Lý do là, sau đó, nhất là kể từ năm 1802, lúc đã ra làm quan, rất ít khi Nguyễn Du có mặt lâu ở Hà Nội. Hết làm tri huyện Phù Dung lại làm tri phủ Thường Tín, rồi vào Huế, và làm Cai Bạ ở Quảng Bình. Nếu ông đi ra Bắc thì cũng chỉ ở lại một thời gian ngắn. Dù sao, đây cũng chỉ là giả thuyết. Cái gọi là mối tình “ba năm” ấy không nhất thiết là gần gũi trọn vẹn ba năm. Ở xa, nhưng thỉnh thoảng gặp nhau, cũng là tình yêu chứ?

Bài thơ trên là một trong những bài thơ hay nhất trong tập Lưu Hương Ký. Hay và cảm động. Nó cho thấy, dù có chút chua chát, Hồ Xuân Hương vẫn còn yêu Nguyễn Du. Và vẫn còn bản

khoản không biết Nguyễn Du có còn nhớ thương mình? Đó là ý nghĩa của chữ “sương siu” ở câu thứ 7, theo Hoàng Xuân Hãn, có nghĩa là bịn rịn.

Không hiểu sao, khi đọc bài thơ trên, tôi cứ ao ước HXH1 và HXH2 là một người. Chỉ là một người.

Cử tử tưởng tượng “bà Chúa thơ Nôm” và “ông hoàng” của thơ ca Việt Nam là tình nhân của nhau?

Thì thú vị biết chừng nào.

\*\*\*

Chú thích:

Tài liệu về Hồ Xuân Hương khá nhiều. Ở đây, tôi sử dụng ba cuốn chính:

Thơ Hồ Xuân Hương của Nguyễn Lộc, nxb Văn Học, Hà Nội, 1982.

Thiên tình sử Hồ Xuân Hương của Hoàng Xuân Hãn, nxb Văn Học, Hà Nội, 1995.

Hồ Xuân Hương, tiểu sử văn bản: Tiến trình huyền thoại dân gian hóa của Đào Thái Tôn, nxb Hội nhà văn, Hà Nội, 1999.

\*\*\*

### **Phụ đính giai thoại và thơ Nguyễn Du:**

#### **Câu thơ bỏ lửng...**

Nguyễn Du lúc còn là học trò ở với thân sinh là Xuân quận công Nguyễn Nghiễm ở Hà nội, theo học với một ông đồ họ Lê ở Gia Lâm, bên kia sông Nhị. Cậu học trò cùng các bạn ngày nào cũng phải qua sông bằng đò ngang. Người chèo đò là một cô gái xinh xắn và ăn nói có duyên. Cậu học trò Nguyễn rất để ý. Một hôm, cậu đến chậm, lỡ chuyến đò, cậu phải chờ đợi sốt ruột, nên làm một bài thơ nhờ đưa cho cô gái. Bài thơ như sau:

Ai ơi, chèo chống tôi sang  
Kéo trời trưa trệt, lữ làng tôi ra  
Còn nhiều qua lại lại qua,  
Giúp cho nhau nữa để mà...

Câu thơ cuối, tác giả bỏ lửng có ý để chờ cô gái điền vào. Nhận được, cô gái bẽn lễn và thêm vào hai chữ... quen nhau. Thế rồi hai người yêu nhau.

Nhà thơ thổ lộ tâm tình ra bốn câu lục bát rằng:

Quen nhau nay đã nên thương  
Cùng nhau xe mối tơ vương chữ tình  
Cảnh xinh xinh, người xinh xinh,  
Trên trời, dưới nước, giữa mình với ta.

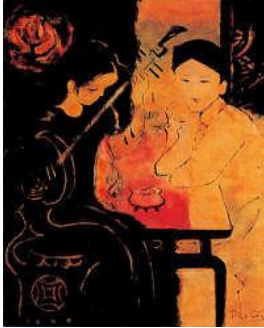
Họ yêu nhau, nhưng rồi không lấy được nhau. Bởi lẽ đơn giản: Nguyễn Du là cậu trai trong gia đình gia thế, mà cô kia thì chỉ là một cô lái đò. Chẳng những thế, do chuyện yêu đương ấy, Nguyễn Du còn bị gọi về nhà chịu một trận đòn nên thân, rồi lại bị gửi về học một ông đồ khác ở mạn Thái Bình. Hơn 10 năm sau, khi Nguyễn Du trở lại bến cũ đò xưa thì cô gái đi lấy chồng, chỉ còn cây đa, dòng nước đỏ vẫn lặng lẽ trôi xuôi. Trông cảnh cũ, nhớ người xưa, nhà thơ bùi ngùi:

Yêu nhau những muốn gần nhau  
Bể sâu trăm trượng, tình sâu gấp mười  
Vi đâu xa cách đôi nơi  
Bến này còn đó, nào người năm xưa?

Câu chuyện đau lòng này, sau được Nguyễn Du tự tay ghi chép trong một bản thảo, dưới nhan đề "Mối tình hận của ta".

\*\*\*

### Điệp tử thư trung



tranh Nguyễn Gia Trí

*Vân song tăng kỷ nhiệm thư hương  
Tạ khước phong lưu vị thị cuồng  
Bạc mệnh hữu duyên lưu giản tịch  
Tàn hồn vô lệ khóc văn chương  
Đố ngư dị tỉnh phồn hoa mộng  
Huỳnh hoá nan khôi cảm tú trường  
Vấn đạo dã ưng cam nhất tử  
Dâm thư do thắng vị hoa mang*

*Thanh Hiên Thi Tập  
Nguyễn Du (1765-1820)*



tranh Nguyễn Gia Trí

### Bướm chết trong sách

*Song vân từng thắm vị thư hương  
Bỏ thú phong lưu há phải cuồng  
Mệnh bạc còn duyên vương sử sách*

Hồn tàn không lệ khóc văn chương  
Khó mong lửa đốt thiêu lòng gấm  
Để khiến thân sâu tỉnh mộng vàng  
Đạo lý sớm nghe chiều chết thỏa  
Hoa sao bằng chữ dấm cưu mang

*Quách Tấn dịch 1967*

*Chép lại từ Tố Như Thi Trích Dịch của Quách Tấn  
An Tiêm xuất bản, Paris 1995*

### **Mộng đặc thái tiên**

I

Khẩn thúc giáp điệp quần  
Thái liên trạo tiểu đình  
Hồ thủy hà xung dung  
Thủy trung hữu nhân ảnh

II

Thái thái Tây Hồ liên,  
Hoa thực câu thương thuyền  
Hoa dĩ tặng sở úy  
Thực dĩ tặng sở liên

III

Kim thần khứ thái liên  
Nãi ước đông lân nữ  
Bất tri lai bất lai  
Cách hoa văn tiểu ngữ

IV

Cộng tri liên liên hoa  
Thùy giả liên liên cán ?  
Kỳ trung hữu chân ti  
Khiên liên bất khả đoạn

V

Liên điệp hà thanh thanh  
Liên hoa kiêu doanh doanh  
Thái chi vật thương ngẫu  
Minh niên bất phục sinh.



tranh Nguyễn Gia Trí



## Giác Mộng Hái Sen

I

Mau sấn quần cánh bướm  
Chèo thuyền đi hái sen  
Mênh mang hồ đầy nước  
Trong nước bóng người in

II

Tây hồ đi hái sen  
Đề lên thuyền hoa, gương  
Hoa, tặng người ta kính  
Gương, tặng người ta thương

III

Sáng ngày đi hái sen  
Hẹn cô nàng xóm bên  
Chẳng biết tới không tới  
Cách hoa, nói cười chen.

IV

Ai cũng thích hoa sen  
Còn ai thích cọng sen ?  
Trong cọng có tơ nhỏ  
Không đứt vương liên miên

V

Lá sen màu xanh xanh  
Hoa sen ôi đẹp xinh  
Hái hoa đừng hại ngó  
Sang năm hoa hồi sinh.

## Hành lạc từ

Thời cụ Nguyễn Du thế kỷ 18 và 19, về thịt chó cụ viết trong bài *Hành lạc từ* trong đó có câu “hữu khuyến khả tu sát” với nghĩa rõ mười mười là “có chó cứ làm thịt ...tội gì ngàn năm lo” và kết thúc bằng câu “*Cổ kim hiền ngu nhất khâu thổ*” hiểu theo nghĩa là xưa nay kẻ hiền người ngu cũng chỉ còn trơ lại một nắm đất và “*Lân cầu yếm cao lương*” tức chó nhà bên cạnh cũng đã chán thức ăn ngon, thế nên:

*Có chó cứ làm thịt  
Có rượu cứ nghiêng bầu  
Được thua trên đời chưa dễ biết  
(bản dịch của cụ Lê Thước)*

Riêng chữ hành lạc của cụ Nguyễn Du khác với chữ...*hành lạc* ngày nay.

Điệu khuyến  
(Bài truy điệu cho chú chó)  
laiquangnam

Nguyễn Du là người có tấm lòng nhân ái. Ông thương nước, thương người, thương vật và thương mình. Tình thương nước thể hiện qua văn thơ chữ Hán. Thương người thể hiện trong rất nhiều bài, nhất là bài Văn tế thập loại chúng sinh, thương mình qua Kiều, qua bài Long thành cầm giả ca tuyệt tác và thương vật qua bài Điệu khuyến (Bài truy điệu chú chó) dưới đây. Tấm lòng Nguyễn Du đối với con vật thương thật đáng kính. Qua đó không biết Người Xưa đã gọi đến chúng ta bao nhiêu nỗi riêng ?

*Liều thân chẳng quản, cứ xông,  
Bao phen thử sức. ...thành công vệt hoai !*

Người đàn ông có hai thuộc tính quý giá, một là lòng hy sinh liều thân cho tổ quốc và bảo vệ mái ấm gia đình, hai là óc hài hước. Hôm nay nhân ngày của Cha, laiquangnam xin chuyển đến Khách thơ thân thương của mình, những người Cha Việt Nam tấm thân chỉ nặng trên dưới năm mươi ký lô, nay có thể đang loay hoay đâu đó một cách cực nhọc nơi xứ lạ quê người mà chẳng hề cất lên một lời than thở. Họ lặng lẽ không kịp dấu đi những giọt nước mắt thương mình hay rơi những giọt nước mắt reo vui bên đứa con vừa thành đạt! *Quê Nhà thương lắm thay!* \_Trên sông khói sóng... Quê Xa ngủi ngủi (câu thơ dịch Hoàng hạc lâu của Thôi Hiệu)

Xin mời Khách thơ của laiquangnam cùng đọc nguyên tác chữ Hán của Cụ Nguyễn ,trong bài thơ này có câu nguyên tác tự thán ngậm ngùi nói trên.

### Nguyên tác

悼犬  
駢馬不老死  
烈女無善終  
凡生負奇氣  
天地非所容  
念爾鬻所畜  
與人毛骨同  
貪進不知止  
隕身寒山中  
隕身勿嘆宛  
數試無全功

### Phiên âm

Tuần mã bất lão tử  
Liệt nữ vô thiện chung  
Phàm sinh phụ kì khí  
Thiên địa phi sở dung  
Niệm nhĩ thuộc sở súc  
Dữ nhân mao cốt đồng  
Tham tiến bất tri chỉ  
Vấn thân hàn sơn trung  
Vấn thân vật thán uyển  
Sở thí vô toàn công

### Chú vại từ và tam dịch nghĩa

a)Vai từ Hán nay xa lạ với người Việt

1-dữ là như (trong tiếng Việt là y như )

2-vật -chớ ,chẳng hề , mà không  
Vật là tiếng Tàu nay ta không còn dùng,

3-uyển -ân hận, sợ hãi

b) Vài từ Hán Việt quen thuộc

Vấn 隕 là gieo mình, như tự vấn trong Việt ngữ còn dùng

Điệu 悼, truy điệu. Điệu , trong khi điệu là thương tiếc kẻ đã lìa đời . Tiếng Việt có cụm đi điệu, đi phúng điệu. Điệu khuyến tạm dịch thoát là "Truy điệu chú chó ".

c) câu thơ cô đúc là câu thứ 9 áp chót ,

隕身勿嘆宛, Vấn thân vật thán uyển, laiquangnam xin tạm dịch từng từ ,

Vấn thân là Gieo mình, đó là cách liều thân tự nguyện , Vật là chớ hề.

Toàn văn câu, *Vấn thân vật thán uyển* là liều mình mà không có một lời oán hận và lòng chẳng hề sợ hãi . Nguyễn Du vô cùng tinh tế khi nêu thuộc tính cao thượng của ChúMây qua năm từ. Lòng tận tụy ra sức báo đền ơn người vô điều kiện, đó là thuộc tính cao thượng của chúChó, con vật nuôi thân thương của người.

#### Dịch thơ quốc âm

Song thất lục bát

(chú riêng :ký hiệu gạch đầu dòng ( \_xxx) trong bản dịch là lời thoại) .

*Tuần mã chết già đầu khủng chiụ,  
GáiTrung trinh kết! \_ điệu mà thương!  
Phạm sinh khí phách khác thường  
Đất trời không chỗ nào nương nhóm này!  
\_Buồn lắm thay vì mây gia súc!  
\_Thịt xương mây có khác chi ta!  
\_Tiến lên..., tiến mãi..., xông pha!...  
\_Gieo mình núi lạnh sương sa!\_ cam lòng!.  
\_Liều thân chẳng quản, cứ xông,  
Bao phen thử sức ..thành công vụt hoài!  
laiquangnam dịch*

#### Bản dịch của người xưa

( chuyển sang Ngũ ngôn trong Việt ngữ )

Điệu khuyến

*Tuần mã không chết già  
Liệt nữ không chết yên  
Phạm khí phách khác thường  
Trời đất hay ghen tương  
Thương mây giống gia súc  
Cùng người đồng thịt xương  
Ham tiến không biết thối  
Bỏ mình rùng gió sương  
Bỏ mình chớ than tức*

*Chẳng vẹn công đầu trường*  
Quách Tấn dịch  
(Tổ Như thi, nxb An Tiêm SG )

### Ký hữu

Mạc mạc trần ai mãn thái không  
Bể môn cao chắm ngoạn kỳ trung  
Nhất thiên minh nguyệt giao tình tại  
Bách lý Hồng sơn chánh khí đồng  
Nhãn để phù vân khan thế sự  
Yêu gian trường kiếm quả thu phong  
Vô ngôn độc đối đình tiền trúc  
Sương tuyết tiêu thời hợp hóa Long



tranh Nguyễn Gia Trí

### Gửi bạn

*Đầy trời lớp lớp dấy trần hiêu*  
*Đóng cửa nằm cao tạnh sớm chiều*  
*Chánh khí muôn thu ngàn hồng vững*  
*Giao tình một mối bóng trắng treo*  
*Chuyện đời ghé mắt mây lơ lửng*  
*Gươm báu cài lưng gió hắt hiu*  
*Lặng lẽ bên hiên lòng đối trúc*  
*Hóa rồng chờ thuở tuyết sương tiêu*

*Chép lại từ Tổ Như Thi*  
*Trích Dịch của Quách Tấn*  
*An Tiêm xuất bản, Paris 1995*

### Nguyễn Du

*Nguyễn Du cao ngất đại thụ giữa rừng thi ca bạt ngàn của dân tộc, Nguyễn Du kết tinh muối mặn cả đại dương mệnh mông đau khổ của nhân loại, Nguyễn Du kẻ sáng thế Truyện Kiều, cái ông Nguyễn Du ấy có lúc đã từng cay đắng nghĩ:*

*Nhất sinh từ phú tri vô ích*

### *Mãn giá cầm thi đồ tự ngu*

*(Một đời chuyên về từ phú biết là vô ích,  
Sách, đàn đây giá chỉ tự mình làm ngu mình)*

\*\*\*

*Đó là mối "tương liên" giữa thế hệ này với thế hệ khác, giữa thế kỷ này với thế kỷ khác. Đó là những giọt nước mắt con người ứa ra qua những "tam bách dư niên hậu". Lại nhớ đến Nguyễn Du. Nguyễn Du viết về Đỗ Phủ:*

*Dị đại tương liên không sai lệ  
(Khác thời đại thương nhau ứa nước mắt)*

*Đỗ Phủ sinh năm 712 và mất năm 770 ở Trung Hoa. Nguyễn Du sinh năm 1766 và mất năm 1820 ở Việt Nam. Tính theo năm sinh, Nguyễn Du ra đời muộn hơn Đỗ Phủ 1.054 năm. Thế nhưng hai người gần nhau biết mấy. Đêm đêm hồn Nguyễn Du vẫn nằm mộng trong những vần thơ Đỗ Phủ (Mộng hồn dạ nhập Thiệu Lăng thi). Bao nhiêu khoảng cách bỗng bị xoá nhoà. Cách hàng ngàn năm gặp gỡ, tâm sự vẫn giống nhau:*

*(Thiên cổ tương phùng lưỡng bất vi).*

### **Trúc lâm thất hiện**

(Lưu Linh)

Lưu gia chi tử bất thành tài  
Hạ sáp dương ngôn tử tiện mai.  
Tuỳ lý dĩ năng tề vạn vật,  
Tử thời hà tất niệm di hài?...

(Chàng họ Lưu ơi quả bất tài  
Rêu rao sẵn cuộc chết chôn ngay  
Khi say đã biết hoà theo vật  
Lúc chết sao còn nghĩ tới thầy?...)

### **Đối tửu**

Phu tọa nhàn song tửu nhãn khai  
Lạc hoa vô số hạ thương đài  
Sinh tiền bất tận tôn trung tửu  
Tử hậu thùy kiêu mộ thượng bôi  
Xuân sắc tiệm thiên hoàng điều khứ  
Niên quang ám trục bạch đầu lai  
Bách kì dẫn đắc chung triêu túy  
Thế sự phù vân chân khả ai

### **Đối mặt cùng ly rượu**

Ngồi thiền song vắng mở mắt mờ hơi rượu  
Hoa rụng nhiều vô kể trên thảm rêu xanh thẫm  
Lúc còn sống chẳng uống cạn chén rượu trong bầu  
Mai sau khi chết nào ai rưới rượu trên mồ  
Sắc xuân biến đổi dần, hoàng anh (chim vàng anh ) bay đi  
Tuổi tác ánh lên ngà ngọc thúc đầu lại bạc  
Hạn gạch trăm năm (đời người 100 năm ) chỉ mong say suốt  
Thế sự như mây nổi quả thật buồn

Chú thích:

Phu tọa là kiểu "ngồi thiền" của con nhà Phật ,họ ngồi gác hai bàn chân ngửa gác lên vế  
Phu tọa nhàn song tửu nhãn khai  
*Ngồi thiền song vắng mở mắt mờ hơi rượu*